



CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU BẾN THÀNH

BỀN BỈ - DẪN ĐẦU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin chung	6
Quá trình hình thành và phát triển	8
Các giải thưởng tiêu biểu	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	18
Định hướng phát triển	20
Các rủi ro	22

3

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	56
Tình hình tài chính	62
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	64
Kế hoạch phát triển trong tương lai	66

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	78
Ban Kiểm soát	84
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	86

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Tình hình đầu tư	30
Tổ chức và nhân sự	31
Tình hình tài chính	42
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	46
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	48

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	72
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	74
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	75

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán	92
-----------------------------	----

DANH MỤC VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Chú thích
BERUBCO	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
BHLĐ	Bảo hộ lao động
BKS	Ban Kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CN	Cá nhân
CP	Cổ phiếu
CSI	Doanh nghiệp bền vững
CTCP	Công ty cổ phần
ĐD	Đại diện
ĐHĐCĐ	ĐHĐCĐ
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HCM	Hồ Chí Minh
HĐQT	Hội đồng quản trị
KH	Kế hoạch
LNST	Lợi nhuận sau thuế
MTV	Một thành viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TCT	Tổng Công ty
TH	Thực hiện
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBCK	Ủy ban Chứng khoán
USD	Đồng đô la Mỹ
VAT	Thuế giá trị gia tăng
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Việt Nam Đồng
VSCN	Vệ sinh công nghiệp
ISO	Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
ANRPC	Hiệp hội Cao su Châu Á
UOB	Ngân hàng United Overseas Bank Vietnam
DIN	Tiêu chuẩn Đức (Deutsches Institut für Normung)
JIS	Tiêu chuẩn Nhật Bản (Japanese Industrial Standards)
RMA	Hiệp hội Các nhà sản xuất cao su





GIỚI THIỆU VỀ BERUBCO

Thông tin chung	6
Quá trình hình thành và phát triển	8
Các giải thưởng tiêu biểu	10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
Mô hình quản trị, bộ máy quản lý	18
Định hướng phát triển	20
Các rủi ro	22





“Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng được thành lập năm 1976, trực thuộc Sở Công nghiệp Tp.HCM. Trải qua chặng đường 50 năm dựng xây và trưởng thành, BERUBCO đã khẳng định được vị thế vững chắc, trở thành một trong những thương hiệu uy tín của ngành cao su Việt Nam và mạnh mẽ vươn tầm khu vực.”

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH

Tên Tiếng Anh	: BEN THANH RUBBER JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BERUB JSC
Mã cổ phiếu	: BRC
Sàn niêm yết	: HOSE
Giấy CNĐKDN số	: 0301150295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/04/2007 và Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 15/09/2025.
Vốn điều lệ	: 123.749.970.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	: 123.749.970.000 đồng
Website	: www.berubco.com.vn
Trụ sở chính	: Lô B3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3) Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh.
Số điện thoại	: (028) 3790 7619
Số fax	: (028) 37907461
Website	: www.berubco.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

KHỞI ĐẦU

- 1976: Tiền thân là Xí nghiệp Cao su Giải Phóng, trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh, trụ sở chính ở nội thành Quận 11.
- 1994: Đổi tên thành Công ty Cao su Bến Thành, trực thuộc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

1976 - 1994

1998 - 2007

CHUYỂN MÌNH

- 1998: Công ty dời về khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi rộng 2 hecta và đầu tư mới thiết bị sản xuất hiện đại.
- 2007: Công ty hoàn tất thủ tục cổ phần hóa và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (BERUBCO) trực thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn.

TĂNG TRƯỞNG

- 2008: Tăng vốn điều lệ lần thứ 1 từ 40 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên và đối tác chiến lược.
- 2010: Tăng vốn điều lệ lần thứ 2 từ 75 tỷ đồng lên 82,5 tỷ đồng theo hình thức phát cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- 2011: Cổ phiếu của BERUBCO được niêm yết trên sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán BRC và được nhà nước phong tặng Huân chương Lao động hạng 3..
- 2013: Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 82,5 tỷ đồng lên 123,75 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2008 - 2013

2015 - 2025

ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 2015: Tập trung hoàn thiện nhà máy băng tải lõi thép và chính thức đưa vào sử dụng.
- 2018: Đầu tư và sản xuất thử nghiệm dự án Bánh xích cao su.
- 2020: Công ty đã hoàn thành và vượt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận, đặc biệt là mặt hàng cao su kỹ thuật có sản lượng tiêu thụ đạt 121% so với kế hoạch năm 2020.
- 2025: Công ty đang hoạt động với mức vốn điều lệ hơn 123 tỷ đồng, tiếp tục từng bước cải tiến các sản phẩm cao su bằng việc áp dụng công nghệ đặc thù và tiên tiến cho từng dòng sản phẩm.

2020

- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9001:2000.
- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI)
- Doanh nghiệp TP Hồ Chí Minh tiêu biểu
- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu

2023

- Công ty tiếp tục duy trì trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững (CSI).
- Chứng nhận “Thương hiệu vàng TP.HCM năm 2023”.
- Giấy khen thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “ Dân vận khéo” năm 2023.
- Chứng nhận hệ thống Quản lý Chất lượng: ISO 9000

2021

- Top 10 Doanh nghiệp phát triển bền vững (CSI)
- Chứng nhận thúc đẩy bình đẳng giới tại nơi làm việc
- Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu TP.HCM

2024

- Công ty tiếp tục duy trì trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững (CSI).
- Đạt giải bình chọn “Sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu Thành phố Hồ Chí Minh” năm 2024.
- Chứng nhận Doanh nghiệp Đạt chuẩn Công bố thông tin 2024.

2022

- Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2022
- Sản phẩm Công nghiệp và Công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu năm 2022
- Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn VILAS (ISO 17025)
- Đặc biệt, năm 2022 Đơn vị vẫn duy trì đạt thứ hạng cao trong Top 100 Doanh nghiệp bền vững do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chứng nhận.

2025

- Giấy khen thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “ Dân vận khéo” năm 2025
- Đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc “Đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố”.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, sản phẩm cao su kỹ thuật, cao su nguyên liệu, dây trần bản, vỏ ruột xe đạp – xe gắn máy.
- Mua bán nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Berubco cung cấp sản phẩm cho thị trường nội địa và xuất khẩu sang các nước như
 1. Mỹ
 2. Mexico
 3. Nhật Bản
 4. Indonesia,...



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Được sử dụng trong các ngành công nghiệp nặng, khai thác than đá, nhà máy nhiệt điện, nhà máy sản xuất xi măng, luyện gang thép, khai thác mỏ và xây dựng, ...

Đặc điểm:

Có khả năng chịu tải trọng lớn, độ giãn thấp, kháng va đập tốt, trong dây chuyền sản xuất dài, tải trọng nặng với tốc độ nhanh.



Băng tải lõi thép thông dụng

Được ưu tiên sử dụng cho các dây chuyền xử lý vật liệu nhiệt độ cao như nung quặng, xi than, clinker, xi măng, luyện gang thép và các ứng dụng yêu cầu chịu nhiệt khác.

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt được làm bằng nguyên liệu cao su đặc biệt có khả năng chịu nhiệt độ từ 100°C ~ 250°C, với khả năng kháng mài mòn, nứt gãy, cong vênh do nhiệt.



Băng tải lõi thép chịu nhiệt

Dùng để truyền tải các loại hóa chất có tính ăn mòn phá hủy cao như acid mạnh: H_2SO_4 , HCl , ...; kiềm: $NaOH$ và các hoá chất khác như phân bón, Urê, Kali Nitrat, ...

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt được chế tạo từ hỗn hợp cao su đặc biệt có khả năng kháng được các hóa chất ăn mòn, axit, hoặc các chất hóa học khác. Ngăn ngừa cao su mặt băng tải bị trương nở do tiếp xúc hóa chất trong quá trình vận hành, giúp kéo dài tuổi thọ băng tải



Băng tải lõi thép kháng hóa chất

Được sử dụng trong dây chuyền sản xuất tại nhà máy luyện kim, nhiệt điện, hầm lò khai thác than và các ngành công nghiệp có nguy cơ cháy cao.

Đặc điểm:

Bề mặt và lớp cao su cán tráng sử dụng nguyên liệu đặc biệt kháng bắt lửa, đáp ứng các tiêu chuẩn ISO, DIN, JIS và RMA...



Băng tải lõi thép kháng lửa

Dùng để chuyển tải những sản phẩm có dầu như thức ăn gia súc, phân bón, bã đậu nành và các sản phẩm có dầu khác.

Đặc điểm:

Lớp cao su mặt của băng này được làm từ hỗn hợp các cao su NBR hoặc CR có tính năng chịu các loại dầu động thực vật và khoáng vật.



Băng tải lõi thép chịu dầu

Băng tải chịu va đập được sử dụng trong các môi trường tải nặng và đập cao như khai thác đá, mỏ, gỗ, thép và tái chế.

Đặc điểm:

Là loại băng tải có khả năng chịu lực, chống mài mòn tốt và có độ bền cao hơn so với băng tải thông thường. Sản phẩm được sử dụng chủ yếu trong môi trường chịu lực và đập cao như khai thác đá, mỏ, gỗ, vật liệu tái chế, thép.... giúp cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu một cách nhanh chóng, tối ưu.



Băng tải kháng va đập

Dùng để vận chuyển các loại nguyên liệu dạng bột, hạt (cát, sạn, than mịn...) hoặc hàng bao trên các tuyến băng tải có độ nghiêng lớn.

Đặc điểm:

Góc nghiêng và bước gân được thiết kế phù hợp để băng tải vận hành ổn định trên các chuyển có độ dốc lớn. Gân và lớp cao su mặt trên được đúc liền bằng công nghệ lưu hóa nóng, đảm bảo độ bền và độ bám cao.



Băng tải gân

Dùng để vận chuyển nguyên liệu hoặc sản phẩm dạng bột, hạt chế rơi vãi sang hai bên.

Đặc điểm:

Hai mép băng có lớp cao su đứng dạng tai bèo được gia công bằng phương pháp lưu hóa nóng để đảm bảo bám dính của phần bèo với mặt băng được chắc chắn, giữ không cho vật liệu rơi ra ngoài.



Băng tải tai bèo



CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Sản phẩm được sử dụng làm chân đế, chân máy... với chức năng chống rung và giảm tiếng ồn. Nhà máy sản xuất theo tiêu chuẩn cao, ứng dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu từ cơ bản đến kỹ thuật cao của khách hàng.

Đặc điểm:

Có nhiều chủng loại với các cấu tạo như cao su với nhiều lớp lõi vải hoặc cao su chịu đàn hồi cao có khả năng chịu lực cao và khả năng phục hồi biến dạng.



Cao su giảm chấn sàn rung

Van bướm được sử dụng phổ biến trong hệ thống cấp thoát nước, PCCC và nhiều ứng dụng kỹ thuật khác.

Đặc điểm:

Phốt nước dùng trong van bướm công nghiệp được làm bằng nguyên liệu hoàn toàn EPDM, van có khả năng đàn hồi và ôm chặt với đĩa van tạo độ kín tối đa.

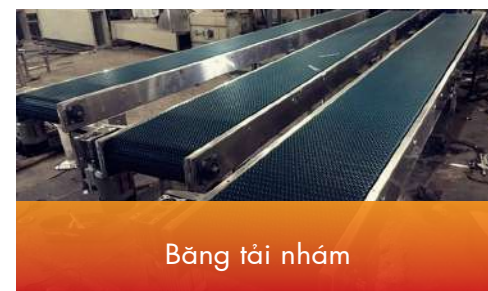


Phốt nước

Dùng để vận chuyển hàng đóng bao/thùng, phụ tùng ô tô và các mặt hàng dễ móp, dễ vỡ.

Đặc điểm:

Bề mặt cao su được thiết kế hình gân nhám, giúp giữ hàng khi chuyển tải những mặt hàng dễ bị móp méo và dễ vỡ đi trên đoạn đường nghiêng góc từ 20 ~ 30 độ, đồng thời có khả năng chịu mài mòn.



Băng tải nhám

Dây Courroie hình thang được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp cơ khí, máy móc ngành dệt may, ngành ô tô.

Đặc điểm:

- Lực kéo đứt cao, độ giãn thấp.
- Chịu uốn và kháng mài mòn tốt.
- Đồng nhất về chiều dài và tiết diện theo cỡ số.



Dây courroie loại thông dụng

Cao su phụ tùng các loại dùng trong ngành công nghiệp xe hơi, cấp nước cầu đường, xây dựng và các ngành công nghiệp khác. Với nguyên liệu sử dụng: NR, BR, SBR, IR, CR, Viton, Silicone, Neoprene, Nitril, Butyl, EPDM sản xuất theo quy cách và bản vẽ của khách hàng.

Đặc điểm:

Các phụ tùng cao su với các tính năng: chịu nhiệt, chịu hóa chất, chịu dầu, chịu đàn hồi, kháng bắt lửa,...



Phụ tùng cao su

Bảo vệ khung bánh xe khỏi oxy hóa sau khi tiếp xúc mưa, cát, bụi và các tác nhân môi trường, đồng thời hạn chế bùn đất bám vào thân xe gây hư hỏng và mất thẩm mỹ.

Đặc điểm:

Được lắp về phía sau bánh xe tải, có tác dụng che chắn để bùn đất không văng lên thân xe, phương tiện xung quanh hoặc người đi đường.



Tấm chắn bùn xe tải

Được sử dụng cho dòng xe gặt đập liên hợp Kubota DC60.

Đặc điểm:

Bánh xích cao su quy cách B400x90x47 được chế tác từ hỗn hợp cao su giúp chúng có khả năng chịu được nhiều điều kiện làm việc và mài mòn khác nhau như đường đá, cát, sỏi, bùn, đất,... Thân bánh xích được thiết kế với các rãnh gai và mắt xích cố định gắn vào bánh xe, giúp xe bám đường tốt hơn, di chuyển ổn định và hạn chế vướng mắc khi vận hành.

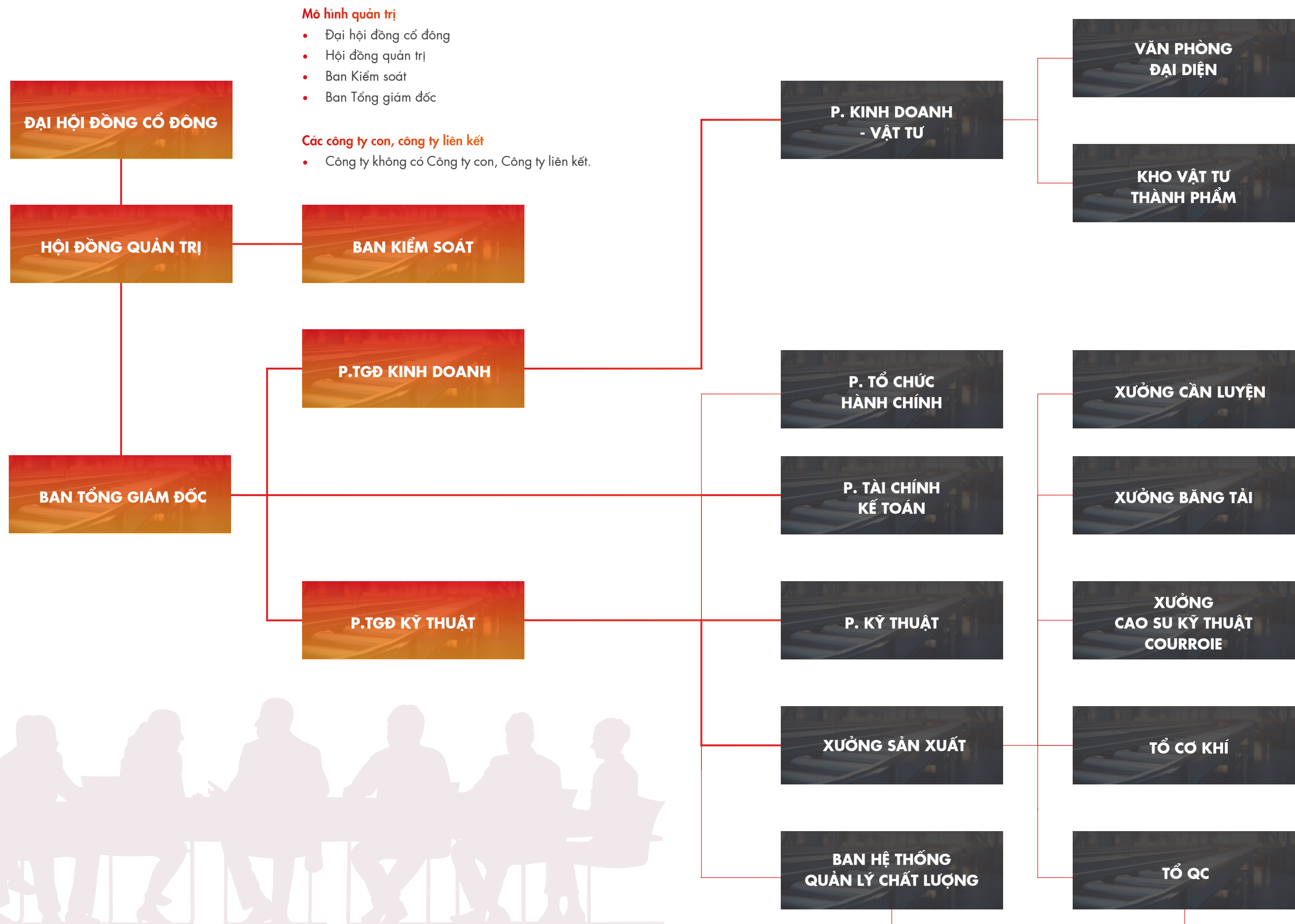


Bánh xích cao su



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Công ty hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, trở thành nhà sản xuất và cung ứng các sản phẩm băng tải cao su hàng đầu Việt Nam và phát triển ra thị trường quốc tế thông qua đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh, tăng năng suất và tạo ra nhiều sản phẩm mới với chất lượng cải tiến và hiệu quả.

BERUBCO chú trọng con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao, có trách nhiệm, tác phong chuyên nghiệp, chủ động sáng tạo trong công việc. Bên cạnh đó chúng tôi không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu Berubco ngày càng uy tín, chất lượng hơn.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG HẠN



Giữ vững thị trường hiện hữu và nâng cao năng lực cạnh tranh, tập trung vào các ngành chủ lực như xi măng, xây dựng, khai thác mỏ... Đồng thời thúc đẩy hoạt động quảng bá thương hiệu BERUBCO, mở rộng kênh phân phối và tăng cường hiện diện thương hiệu trên môi trường số để tạo nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

Tập trung cải tiến công nghệ và tối ưu năng lực sản xuất, ứng dụng phương pháp quản lý tiên tiến trong điều hành sản xuất, khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị. Nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm và đẩy mạnh đào tạo - phát triển nguồn nhân lực với trình độ chuyên môn, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa.

Tăng cường công tác quản lý và hoàn thiện bộ máy nhân sự, chú trọng nâng cao vai trò và trách nhiệm của đội ngũ quản lý. Xây dựng đội ngũ nhân sự ổn định, có kỷ luật, có năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động và hỗ trợ doanh nghiệp đạt các chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Công ty hướng đến tăng trưởng hài hòa giữa lợi ích cổ đông và các bên liên quan như khách hàng, người lao động và đối tác. Mục tiêu là duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội, đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương.

BERUBCO chú trọng thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ người lao động khó khăn, tham gia hoạt động từ thiện và phối hợp cùng chính quyền trong phát triển cộng đồng. Công ty đảm bảo tuân thủ nghĩa vụ thuế, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động từ hoạt động sản xuất, đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững chung của ngành và địa phương.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN

Tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển đến năm 2030 và đặt mục tiêu trở thành nhà sản xuất cao su hàng đầu Đông Nam Á, tập trung huy động tối đa nguồn lực và đầu tư dài hạn nhằm tạo ra lợi nhuận ổn định và nâng cao uy tín thương hiệu. Giữ vững thị trường nội địa đồng thời mở rộng sang các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đức, Mexico và Indonesia nhằm tăng tỷ trọng xuất khẩu trong cơ cấu doanh thu.

Đẩy mạnh đổi mới công nghệ và phát triển sản phẩm giá trị gia tăng, xây dựng danh mục sản phẩm cao su kỹ thuật có khả năng đáp ứng yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế. Phát triển các dòng sản phẩm chuyên biệt phục vụ các ngành công nghiệp trọng điểm, góp phần gia tăng giá trị và nâng cao biên lợi nhuận.

Tập trung xây dựng hệ sinh thái sản phẩm và tối ưu chuỗi cung ứng, mở rộng nhóm sản phẩm phục vụ các ngành khai thác khoáng sản, cơ khí, xi măng và xây dựng. Tăng cường quản trị tồn kho, logistics và chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, củng cố vị thế doanh nghiệp và khẳng định thương hiệu BERUBCO trên thị trường quốc tế.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, bức tranh kinh tế thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp với tình hình căng thẳng chính trị ngày càng leo thang, bên cạnh nhu cầu tiêu dùng có xu hướng phục hồi chậm và thiếu ổn định. Lạm phát toàn cầu dù giảm nhưng vẫn neo ở mức cao tại nhiều khu vực, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và thương mại quốc tế. Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị, biến động giá năng lượng và chính sách tiền tệ thắt chặt tiếp tục khiến môi trường kinh doanh toàn cầu tiềm ẩn nhiều rủi ro. Dù lạm phát có xu hướng hạ nhiệt trong trung hạn, những biến động về thị trường, tỷ giá và chi phí đầu vào vẫn có thể tạo áp lực đáng kể lên hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong nước, kinh tế Việt Nam duy trì nền tảng tăng trưởng tích cực. GDP 2025 tăng 8,02%, trong đó khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, tiếp tục là động lực tăng trưởng chính, cho thấy tín hiệu phục hồi mạnh ở nhiều ngành trọng điểm. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá, giá nguyên vật liệu và nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chủ lực. Trước những rủi ro này, BERUBCO tập trung tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu hóa quản trị sản xuất, và chủ động đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm giảm phụ thuộc vào một số khu vực nhất định. Đồng thời, Công ty theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô để điều chỉnh kế hoạch kinh doanh kịp thời, qua đó củng cố khả năng ứng phó và duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh nhiều biến động.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

BERUBCO phụ thuộc đáng kể vào nguồn cung cao su tự nhiên, nhóm nguyên liệu đang đối mặt với tình trạng mất cân đối kéo dài giữa cung và cầu. Theo ANRPC, các chuyên gia thị trường dự đoán khoảng cách cung cầu này sẽ tiếp tục và tạo ra mức thâm hụt hàng năm từ 600.000 đến 800.000 tấn cho đến năm 2028. Sản lượng tại các quốc gia sản xuất lớn đồng loạt suy giảm, như Indonesia giảm gần 10%, Malaysia giảm 4,2%, và Việt Nam giảm 1,3%, chủ yếu do thời tiết bất lợi, cây già cỗi và xu hướng chuyển đổi cây trồng sang cây có lợi nhuận cao hơn. Điều này tạo áp lực lớn lên chi phí giá vốn của ngành sản xuất cao su. Lợi nhuận gộp của BRC ghi nhận sự điều chỉnh từ 82,62 tỷ đồng xuống còn 68,61 tỷ đồng gây ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.

Trước bối cảnh nguồn cung biến động mạnh và rủi ro giá kéo dài, BERUBCO triển khai đa dạng hóa nguồn cung, ký kết dài hạn với các nhà cung cấp uy tín tại Thái Lan, Lào và một số thị trường ngoài ANRPC. Đồng thời, Công ty tăng tỷ lệ dự trữ nguyên liệu khi giá ở mức phù hợp, tối ưu lịch nhập hàng để giảm rủi ro biến động giá và duy trì biên lợi nhuận ổn định trong dài hạn.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Năm 2025, BERUBCO đối mặt với nhiều thách thức khi nhu cầu ở các ngành công nghiệp chủ lực vẫn phục hồi chậm. Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 437 tỷ đồng, tăng 4,26%, nhưng lợi nhuận ròng giảm 4,40% xuống còn 20.794 tỷ đồng, do ngành xi măng, khách hàng chủ lực của BERUBCO vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, tiến độ thu hồi công nợ chậm và nhu cầu thay thế bằng tải lõi thép giảm vì chu kỳ sử dụng dài. Thị trường xi măng và khai khoáng tiếp tục chịu áp lực dư cung trong khi giá điện và nguyên vật liệu tăng mạnh, làm chi phí sản xuất leo thang.

Nhu cầu tiêu thụ duy trì ở mức thấp khiến cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt, trong khi các ngành liên quan như cơ khí và khai thác đá cũng gặp khó khăn trước nguồn hàng giá rẻ từ Trung Quốc. Báo cáo Vietnam Cement Industry Databook Q4 2025 Update cho thấy công suất toàn ngành vượt 110 triệu tấn, so với nhu cầu nội địa dưới 70 triệu tấn, dẫn đến tình trạng phá giá giữa các nhà máy. Xuất khẩu - vốn là điểm tựa của nhiều doanh nghiệp xi măng - chịu sức ép từ nhu cầu giảm tại Trung Quốc và chi phí vận chuyển tăng, khiến triển vọng tăng trưởng của khách hàng BERUBCO bị thu hẹp.

Để ứng phó, BERUBCO tăng cường tối ưu hóa sản xuất, kiểm soát chi phí chặt chẽ và đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm để mở rộng sang các ngành có nhu cầu ổn định hơn, giảm phụ thuộc vào xi măng và khai khoáng. Công ty cũng theo dõi sát diễn biến thị trường, điều chỉnh kế hoạch tiêu thụ linh hoạt và mở rộng tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới nhằm duy trì lợi nhuận và khả năng cạnh tranh.

RỦI RO PHÁP LUẬT

BERUBCO chịu sự quản lý chặt chẽ của hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và môi trường. Công ty phải tuân thủ các quy định theo Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, cùng các quy chuẩn chuyên ngành như QCVN 12-1:2011/BKHCN. Ngoài ra, hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015, ISO 17025 và các tiêu chuẩn quốc tế như DIN, JIS, ISO cũng đòi hỏi BERUBCO liên tục cập nhật hồ sơ, nâng cấp năng lực kiểm định và đảm bảo chất lượng sản phẩm đầu ra. Bên cạnh đó, định hướng nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam tạo ra áp lực tuân thủ lớn hơn đối với các doanh nghiệp niêm yết. Theo Báo Điện tử Chính phủ, Chính phủ và Thủ tướng đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp để hướng đến mục tiêu nâng hạng thị trường, bao gồm cải thiện chuẩn công bố thông tin, tăng tính minh bạch và tiệm cận thông lệ quốc tế. Điều này khiến BERUBCO phải liên tục rà soát quy trình quản trị, chuẩn hóa báo cáo và đảm bảo tuân thủ đầy đủ nhằm đáp ứng yêu cầu mới của cơ quan quản lý (Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ).

Trước những yêu cầu pháp lý ngày càng nghiêm ngặt, BERUBCO chủ động tăng cường hệ thống kiểm soát nội bộ, cập nhật kịp thời các quy định mới và đầu tư vào sản xuất theo hướng thân thiện môi trường. Việc duy trì tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế giúp Công ty giảm thiểu rủi ro pháp lý, giữ vững vị thế và đáp ứng định hướng phát triển bền vững của ngành cao su Việt Nam.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO TỶ GIÁ

Diễn biến tỷ giá USD/VND năm 2025 tạo ra rủi ro đáng kể đối với BERUBCO khi Công ty phụ thuộc vào nhập khẩu nguyên liệu như cao su tổng hợp, hóa chất, linh kiện và xuất khẩu hàng hóa. Tỷ giá tăng làm chi phí đầu vào đội lên, thu hẹp biên lợi nhuận trong khi khả năng điều chỉnh giá bán bị hạn chế bởi áp lực cạnh tranh. Bên cạnh đó, việc Mỹ áp mức thuế 20% đối với nhiều mặt hàng nông - lâm - thủy sản Việt Nam (Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ) có thể ảnh hưởng đến khách hàng trong chuỗi cung ứng, từ đó gián tiếp tác động đến nhu cầu sản phẩm của Công ty.

Để chủ động ứng phó, BERUBCO triển khai các biện pháp quản trị rủi ro như duy trì mức tồn kho an toàn, đàm phán hợp đồng nhập khẩu dài hạn với điều khoản giá linh hoạt, theo dõi sát diễn biến ngoại hối và cân đối kế hoạch mua hàng theo từng giai đoạn. Công ty cũng nghiên cứu áp dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá (hedging) nhằm kiểm soát chi phí, ổn định lợi nhuận và đảm bảo sức cạnh tranh trong bối cảnh tỷ giá được dự báo duy trì biến động cho đến cuối năm 2025.

RỦI RO CHÁY NỔ

Hoạt động sản xuất cao su của BERUBCO tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ do đặc thù sử dụng nguyên liệu dễ bắt lửa như mủ cao su, hóa chất và dầu mỡ. Các khu vực vận hành máy móc công suất lớn cùng điều kiện nhiệt độ cao và nguy cơ rò rỉ điện có thể làm tăng khả năng xảy ra sự cố, gây thiệt hại tài sản, gián đoạn sản xuất và ảnh hưởng đến uy tín doanh nghiệp.

Nhằm giảm thiểu rủi ro, BERUBCO đã xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động, triển khai bảo trì định kỳ thiết bị và kiểm tra hệ thống điện theo tiêu chuẩn QCVN 06:2022/BXD. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo và diễn tập PCCC cho nhân viên, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật và duy trì môi trường sản xuất an toàn, ổn định.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động sản xuất và chế biến cao su của BERUBCO phát sinh nước thải, khí thải và chất thải rắn, nếu không được kiểm soát chặt chẽ có thể gây ảnh hưởng đến môi trường không khí, đất và nguồn nước tại địa phương. Việc tiêu thụ năng lượng, nước và hóa chất trong quá trình sản xuất cũng gia tăng áp lực lên hệ sinh thái, tạo ra nguy cơ vi phạm các chuẩn mực môi trường. Bên cạnh đó, BERUBCO phải đối mặt với yêu cầu tuân thủ các quy định môi trường ngày càng nghiêm ngặt. Đặc biệt, Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường yêu cầu doanh nghiệp đầu tư mạnh vào hệ thống xử lý hiện đại, giám sát định kỳ và đáp ứng tiêu chuẩn xả thải mới. Việc không theo kịp lộ trình siết chặt có thể làm tăng chi phí vận hành và rủi ro pháp lý.

Để giảm thiểu tác động môi trường, BERUBCO triển khai tối ưu hóa tiêu thụ nguyên liệu, năng lượng, giảm tỷ lệ phế phẩm và nâng cao khả năng tái sử dụng trong sản xuất. Doanh nghiệp cũng đầu tư nâng cấp công nghệ xử lý chất thải theo đúng yêu cầu của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, tăng cường giám sát môi trường và đẩy mạnh các sáng kiến sản xuất xanh nhằm giảm phát thải và hướng đến phát triển bền vững.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro trọng yếu đã nêu, BERUBCO còn đối mặt với nhiều rủi ro mang tính bất định và khó dự báo như thiên tai, dịch bệnh, biến động địa chính trị, gián đoạn logistics hay thay đổi đột ngột trong chính sách thương mại – đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm. Dù tần suất xảy ra thấp, những rủi ro này có khả năng gây thiệt hại đáng kể: làm gián đoạn nhập nguyên liệu, trì hoãn giao hàng, tăng mạnh chi phí vận chuyển, hoặc khiến công suất nhà máy bị thu hẹp do yêu cầu kiểm soát dịch bệnh hay hạn chế di chuyển. Những yếu tố này đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện đơn hàng, doanh thu và khả năng duy trì vị thế cạnh tranh của Công ty trên thị trường quốc tế.

Nhằm chủ động ứng phó, BERUBCO đã xây dựng khung quản trị rủi ro tổng thể với các thành tố như hệ thống cảnh báo sớm, quy trình đánh giá định kỳ, kế hoạch ứng phó chuyên biệt cho từng nhóm rủi ro và phương án duy trì hoạt động liên tục. Công ty duy trì mức tồn kho an toàn cho nguyên vật liệu chủ lực, đa dạng hóa nhà cung cấp theo nhiều khu vực nhằm hạn chế phụ thuộc, đồng thời tăng cường hợp tác với các đơn vị vận chuyển để tối ưu tuyến đường và thời gian giao nhận. Bên cạnh đó, BERUBCO thường xuyên cập nhật quy định pháp lý, phối hợp với cơ quan chức năng và đối tác trong - ngoài nước để đảm bảo chuỗi cung ứng linh hoạt. Những biện pháp này giúp Công ty nâng cao khả năng chống chịu, giảm thiểu gián đoạn và duy trì hoạt động ổn định ngay cả trong bối cảnh biến động khó lường.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	28
Tình hình đầu tư	30
Tổ chức và nhân sự	31
Tình hình tài chính	42
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	46
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	48



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

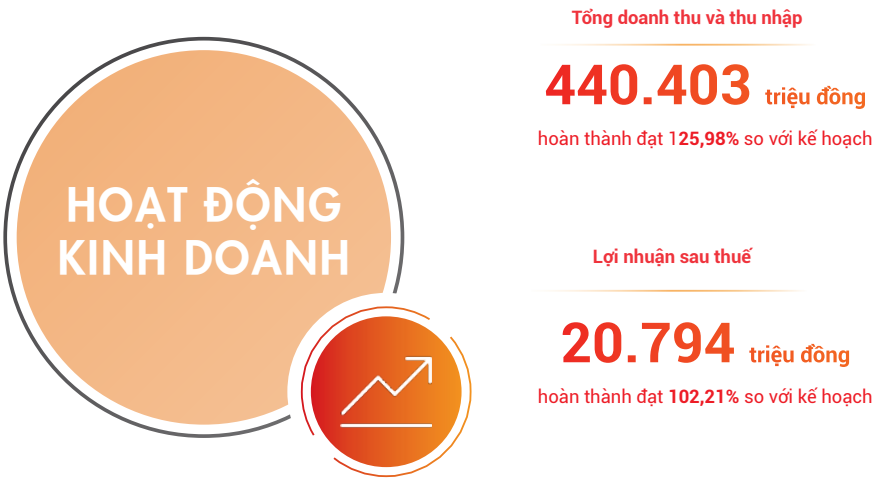
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với năm 2024
1	Doanh thu thuần	419.054	436.887	4,26%
2	Giá vốn hàng bán	336.438	368.279	9,46%
3	Lợi nhuận gộp	82.617	68.608	-16,96%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	27.017	25.304	-6,34%
5	Lợi nhuận trước thuế	27.138	26.046	-4,02%
6	Lợi nhuận sau thuế	21.751	20.794	-4,40%

Trong năm 2025, BERUBCO ghi nhận doanh thu thuần đạt 436,89 tỷ đồng, tăng 4,26% so với năm 2024 (419,05 tỷ đồng). Kết quả này phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc duy trì sản lượng sản xuất và gia tăng đơn hàng dù bối cảnh nền kinh tế toàn cầu còn nhiều bất ổn, nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu và nhóm khách hàng công nghiệp chưa phục hồi hoàn toàn. Tuy nhiên, giá vốn hàng bán tăng mạnh lên 368,3 tỷ đồng, tăng 9,46% so với năm trước, chủ yếu do giá cao su thiên nhiên, nguyên liệu đầu vào trọng yếu của BERUBCO, duy trì ở mức cao. Theo ANRPC và Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu năm 2025 chỉ tăng khoảng 1,3%, không đủ đáp ứng nhu cầu, trong bối cảnh các quốc gia sản xuất chủ lực như Thái Lan, Indonesia và Việt Nam chịu tác động tiêu cực từ thời tiết cực đoan, lũ lụt và gián đoạn khai thác. Bên cạnh đó, các ngành khách hàng chủ lực của BERUBCO như xi măng và khai khoáng vẫn phục hồi chậm, khiến Công ty gặp khó khăn trong việc điều chỉnh giá bán tương ứng với mức tăng của chi phí đầu vào.

Do tác động từ giá vốn tăng nhanh hơn tốc độ tăng doanh thu, lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 68,61 tỷ đồng, giảm 16,96% so với năm 2024, kéo theo biên lợi nhuận gộp thu hẹp. Áp lực chi phí nguyên vật liệu cao su tiếp tục là nguyên nhân chính khiến hiệu quả sinh lời suy giảm, phù hợp với xu hướng chung của ngành cao su thành phẩm trong năm. Theo đó, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 25,30 tỷ đồng, giảm 6,34%, lợi nhuận trước thuế đạt 26,05 tỷ đồng, giảm 4,02%, và lợi nhuận sau thuế đạt 20,79 tỷ đồng, giảm 4,40% so với năm 2024. Mặc dù lợi nhuận suy giảm so với cùng kỳ, kết quả này cho thấy BERUBCO vẫn duy trì được nền tảng hoạt động ổn định, hoàn thành mục tiêu lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào chịu áp lực lớn và thị trường tiêu thụ chưa thực sự phục hồi hoàn toàn.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2025	% Hoàn thành kế hoạch
1	Tổng doanh thu và thu nhập	440.403	349.591	125,98%
2	Lợi nhuận trước thuế	26.046	25.431	102,42%
3	Lợi nhuận sau thuế	20.794	20.345	102,21%

Trong năm 2025, BERUBCO đã đạt được kết quả tích cực trong việc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh, bất chấp môi trường kinh doanh còn nhiều bất ổn, đặc biệt là áp lực gia tăng từ giá nguyên vật liệu cao su thiên nhiên và chi phí đầu vào. Cụ thể, tổng doanh thu và thu nhập đạt 440,40 tỷ đồng, vượt 25,98% so với kế hoạch của năm. Kết quả này phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc duy trì sản lượng sản xuất, gia tăng đơn hàng và tối ưu hóa hoạt động bán hàng, trong bối cảnh các ngành khách hàng chủ lực như xi măng và khai khoáng phục hồi chậm.

Bên cạnh đó, lợi nhuận trước thuế đạt 26,05 tỷ đồng, hoàn thành 102,42% kế hoạch, và lợi nhuận sau thuế đạt 20,79 tỷ đồng, tương ứng 102,21% chỉ tiêu đề ra. Kết quả này cho thấy, dù giá vốn hàng bán chịu áp lực lớn do nguồn cung cao su toàn cầu tăng chậm, thời tiết cực đoan và gián đoạn khai thác tại các quốc gia sản xuất chủ lực, BERUBCO vẫn duy trì được hiệu quả hoạt động nhờ kiểm soát chi phí, tối ưu quy trình sản xuất và quản lý tài chính thận trọng. Việc hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào tăng cao khẳng định năng lực điều hành linh hoạt và khả năng thích ứng của Công ty, đồng thời tạo nền tảng ổn định cho các mục tiêu tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TRONG NĂM 2025

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với năm 2024
Băng tải lõi vải	m2	187.182	195.939	5%
Băng tải lõi thép	m2	21.739	20.459	-6%
Dây courroie	inch	20.915.877	23.276.665	11%
Cao su kỹ thuật	kg	2.143.750	2.563.369	20%

Năm 2025 chứng kiến sự phân hóa rõ rệt trong sản lượng tiêu thụ các sản phẩm. Tình hình tiêu thụ băng tải lõi vải, băng tải lõi thép, dây courroie và cao su kỹ thuật ghi nhận tăng và duy trì mức tiêu thụ ổn định, lần lượt là 195.939 m2; 20.459 m2; 23.276.665 inch; và 2.563.369 kg. Nguyên nhân chính là do nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm này tăng trở lại khi hoạt động sản xuất công nghiệp dần khởi sắc, song song với sự phục hồi của các ngành công nghiệp. Công ty vẫn duy trì vị thế vững chắc trong phân khúc này và sẽ tận dụng cơ hội để mở rộng thị phần trong thời gian tới.



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN Không có.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT Không có.

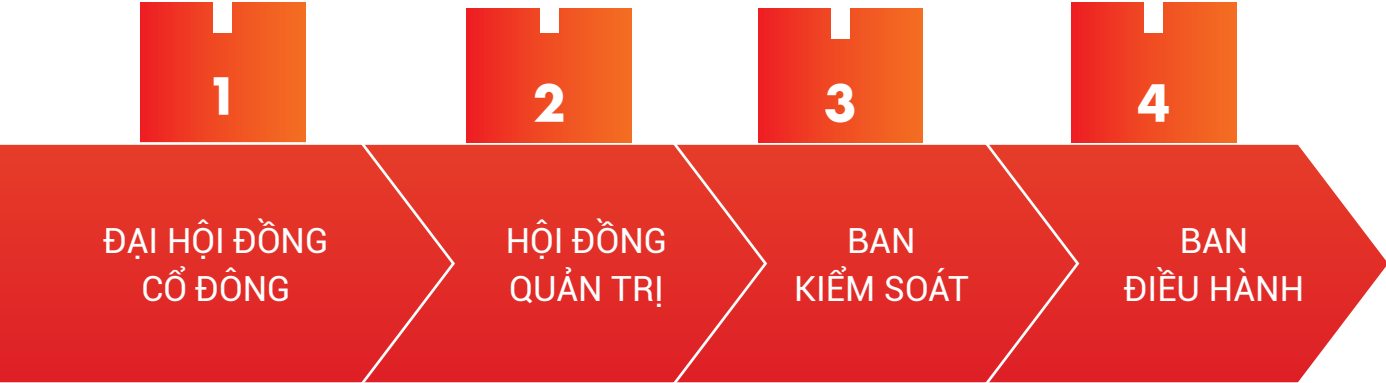
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO CỦA CÔNG TY

Tính đến ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15,00
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67
II	BAN KIỂM SOÁT			
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	CN: 300 ĐD: 0	CN: 0,0024 ĐD: 0
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
III	BAN ĐIỀU HÀNH			
1	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm TGD	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15
2	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	CN: 5.039 ĐD: 0	CN: 0,041 ĐD: 0
3	Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	CN: 2000 ĐD: 0	CN: 0,016 ĐD: 0
4	Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0





GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1

ÔNG NGUYỄN MINH ĐOAN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
8/1994 – 7/1997	Nhân viên kế toán vật tư - ủy viên BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty Cao su Bà Rịa
8/1997 – 12/1999	Ủy viên Ban thường vụ Đoàn TN khóa I, nhiệm kỳ 1995 – 2000 Công ty Cao su Bà Rịa
1/2000 – 4/2007	Bí thư Đoàn TN, Ủy viên BTV Tỉnh Đoàn BRVT, Ủy viên BCH Đảng ủy Cty Khóa II, khóa III, kiêm Chánh Văn Phòng Đảng ủy, Phó Phòng TCHC Công ty Cao su Bà Rịa
4/2007 – 4/2010	Phó Bí thư, Phó giám đốc nông trường Xà Bang Công ty Cao su Bà Rịa
5/2010 – 7/2014	Bí thư Đảng ủy, Phó giám đốc nông trường Xà Bang Công ty Cao su Bà Rịa
8/2014 – 2/2015	Phó phòng Kế hoạch XD&CB, Ủy viên BCH Đảng ủy khóa IV CTCP Cao su Bà Rịa
3/2015 – 4/2016	Trưởng phòng TCHC, Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty Khóa V CTCP Cao su Bà Rịa
5/2016 – 10/2019	Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng TCHC CTCP Cao su Bà Rịa
11/2019 – 6/2021	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Cao su Bà Rịa
7/2021 – 9/2024	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Bà Rịa
10/2024 - đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 4.189.408 cổ phần; chiếm 33,85% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 6.045.658 CP, chiếm 48,85% VDL

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2

ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIỆM VŨ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1967

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thiết kế máy.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
1991 - 2002	Quản đốc xưởng để giày Công ty công nghiệp Cao su Rubimex
2002 - 2005	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
2006 - 2007	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cao su Bến Thành
2007 - 2016	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2016 - 2017	Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2017 - Nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 16.698 cổ phần; chiếm 0,13% VDL.
- Đại diện vốn Tập đoàn Cao su Việt Nam: 1.856.250 cổ phần; chiếm 15,00% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 6.045.658 CP, chiếm 48,85% VDL.
- Nguyễn Gia Phong – Mối quan hệ: Con đẻ; nắm giữ: 1000, chiếm 0,0078% VDL.

3

ÔNG NGUYỄN NHO LƯƠNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh: 1981

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản trị tài chính kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
8/2008 – 12/2012	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA xi măng Bút Sơn 2
1/2013 – 11/2016	Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
12/2016 – 5/2019	Tổ trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
5/2019 – 5/2020	Phóng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
5/2020 – 7/2022	Phó phòng Tài chính Kế toán kiêm Trưởng phòng Kế toán xí nghiệp Tiêu thụ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
7/2022 – 9/2023	Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn
9/2023 – đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
6/2024 – đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Đại diện vốn CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên: 2.310.000 cổ phần; chiếm 18,67% VDL.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4

ÔNG NGUYỄN VIỆT HÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân vật lý.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2006	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Cơ điện - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
2006 - 2008	Phó Giám đốc xí nghiệp thuốc lá Bến Thành 2 - Công ty Thuốc Lá Bến Thành
2008 - 2010	Phó Giám đốc - Nhà máy thuốc lá Bến Thành
2010 - 2013	Phó phòng Phòng Kỹ thuật Công nghệ - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
2010 - 2015	Phó phòng Phòng Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
2015 - Nay	Giám đốc Phòng Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn
05/2020 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
03/2025 – Nay	Giám đốc Kỹ thuật - An toàn lao động - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc P. Kỹ thuật Chất lượng - Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện vốn Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn: 2.457.587 cổ phần; chiếm 19,86% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:

- Tổng Công ty Công Nghiệp Sài Gòn – Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 2.457.587 CP, chiếm 19,86% VDL 48,85%.

5

ÔNG VẦN TRỌNG LONG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỘC LẬP

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
6/2005 - 4/2007	Chuyên viên Công ty POSILAMA Cơ khí và Xây dựng
4/2007 - 6/2008	Chuyên viên Phòng Kỹ thuật CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
6/2008 - 7/2009	Giám đốc xưởng cơ khí CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
1/2010 - 12/2010	Phó Phòng Quản Lý chất lượng CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
1/2011 - 6/2013	Giám đốc xưởng Bóng Da, Phó Giám đốc xưởng sản xuất CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
7/2013 - 4/2014	Phó Phòng Tổ chức hành Chính CTCP Thể thao Ngôi sao Geru
4/2014 - 1/2020	Chuyên viên Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
1/2020 - 2/2025	Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
6/2022 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
3/2025 – Nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Cao su

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT

1

ÔNG NGUYỄN QUỐC VƯƠNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1988

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
6/2011 – 3/2014	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
4/2014 – 12/2016	Nhân viên Xưởng sản xuất Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
1/2017 – 5/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
6/2022 – 10/2024	Phó Phòng Kế hoạch Vật tư Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 300 cổ phần; chiếm 0.0024% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

2

BÀ LƯƠNG THỊ ÁNH NGUYỆT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2004 - 2014	Công tác tại Trung tâm Công nghệ phần mềm Sài Gòn – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
4/2015 - 3/2025	Công tác tại phòng Kế hoạch Kinh doanh – Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn
4/2017 - Nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
03/2025 – Nay	Phó trưởng Phòng Quản lý vốn và Tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó trưởng Phòng Quản lý vốn và Tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

3

ÔNG TRẦN NGUYỄN HUY HÙNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh: 1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
10/2003 - Nay	Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên
4/2019 - Nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

1 **ÔNG NGUYỄN TRẦN NGHIỆM VŨ**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ – Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc vui lòng xem tại thông tin HĐQT

2 **ÔNG HUỖNH VĂN THỂ**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1977
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Hóa học và Thực phẩm
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
12/2001 - 09/2002	Kỹ sư công nghệ tại Công ty Dệt Thắng Lợi
10/2002 - 12/2009	Kỹ sư công nghệ tại Xí nghiệp Cao su Điện Biên - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina)
12/2009 - 01/2010	Kỹ sư công nghệ tại Xí nghiệp Cao su Bình Lợi - Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam (Casumina).
01/2010 - 08/2010	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Công nghệ mới Miền Nam
12/2010 - 08/2011	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Giày An Lạc
09/2011 - 03/2012	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty TNHH Một Thành Viên An Thành
04/2012 - 11/2013	Phó trưởng phòng Kỹ thuật tại Công ty TNHH Một Thành Viên An Thành
12/2013 - 6/2014	Phó phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Giày An Lạc
06/2014 - 9/2015	Phó phòng Kỹ thuật kiêm Quản đốc xưởng cán luyện cao su tại CTCP Giày An Lạc
9/2015 - 10/2015	Nhân viên kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
11/2015 - 2/2016	Phó Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành.
2/2016 - 3/2017	Quyền Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
4/2017 - 9/2024	Trưởng Phòng Kỹ thuật tại Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 2000 cổ phần; chiếm 0.016% VDL
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

3 **ÔNG HUỖNH ANH TUẤN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh: 1974
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tin học
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2004	Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
2004 - 2007	Phó Phòng kinh doanh Công ty Cao su Bến Thành
2007 - 2014	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2014 - 2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2016 - 6/2020	Trưởng Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
7/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 5.039 cổ phần; chiếm 0.041% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.

4 **BÀ DƯƠNG HOÀI TRINH**
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh: 1980
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
Quá trình công tác:

Thời gian	Sự kiện
2002 - 2003	Làm việc tại Công ty TNHH Thương mại Xây Dựng Bảo Châu
2003 - 2004	Làm việc tại Công ty TNHH Thương Mại Đông Nam Phát
2004 - 2005	Làm việc tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
2008 - 2014	Nhân viên Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
2014 – 05/2016	Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
05/2016 – 10/2024	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành
10/2024 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ:

- Cá nhân: 0 cổ phần; chiếm 0% VDL.
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

STT	Thông tin	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	01/07/2025	



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính chất phân loại		Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng	Tỷ trọng (%)	Số lượng	Tỷ trọng (%)
A Theo trình độ					
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	43	18,70	43	18,70
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	17	7,39	19	8,26
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	20	8,70	20	8,70
4	Lao động phổ thông	150	65,22	149	64,80
B Theo thời hạn HĐLĐ					
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	186	80,87	187	81.30
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	44	19,13	44	18.70
C Theo giới tính					
1	Nam	154	66,96	66	28.70
2	Nữ	76	33,04	165	71.30
Tổng cộng		230		231	

THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng số lao động bình quân (người)	209	230	231
2	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/năm)	162,024	190,113	190,940



VỀ ĐÀO TẠO

Hàng năm, Công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các chương trình đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ CBCNV nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và khả năng thích ứng với yêu cầu công việc; nội dung đào tạo được xây dựng phù hợp với nhu cầu thực tế của từng bộ phận, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng nguồn nhân lực. Đồng thời, Công ty đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ quản lý và cán bộ lãnh đạo kế cận theo hướng ưu tiên những nhân sự gắn bó lâu dài, có năng lực, trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, đảm bảo tính kế thừa và ổn định trong công tác điều hành.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn, công bằng và thân thiện, tạo điều kiện để CBCNV phát huy năng lực, tinh thần trách nhiệm và tính sáng tạo, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Văn hóa doanh nghiệp được xem là nền tảng gắn kết tập thể, thúc đẩy tinh thần đoàn kết và hợp tác; không gian làm việc được bố trí khoa học, thông thoáng, đầy đủ tiện nghi, giúp người lao động yên tâm gắn bó lâu dài.

Chương trình đào tạo của Công ty được chia thành hai hình thức chính: đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài.

Đào tạo nội bộ

Công ty tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo tại chỗ, tận dụng tối đa khả năng và nguồn lực sẵn có để nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên.

Đào tạo bên ngoài

Công ty cử nhân sự tham gia các khóa học, chương trình đào tạo chuyên sâu được tổ chức bởi các cơ quan, tổ chức bên ngoài, giúp nâng cao kiến thức và kỹ năng từ các nguồn chuyên gia bên ngoài.

Công ty đặc biệt quan tâm công tác an toàn – vệ sinh lao động, đảm bảo máy móc thiết bị được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, nội quy và biển báo an toàn rõ ràng; khu vực làm việc luôn sạch sẽ, điều kiện ánh sáng, thông gió, nhiệt độ phù hợp và kiểm soát tốt các yếu tố tiếng ồn, bụi, hóa chất (nếu có). Công tác phòng cháy chữa cháy được thực hiện nghiêm túc với đầy đủ trang thiết bị và diễn tập định kỳ. Đồng thời, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, theo dõi bệnh nghề nghiệp và trang bị bảo hộ lao động phù hợp từng vị trí, bảo đảm sức khỏe và sự an toàn cho người lao động.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty luôn chú trọng quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV thông qua hệ thống chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi được xây dựng theo nguyên tắc công bằng, hợp lý và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng được thiết kế gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời căn cứ vào vị trí công tác, năng lực, trình độ chuyên môn và mức độ đóng góp của từng cá nhân nhằm kịp thời ghi nhận, khuyến khích người lao động phát huy năng lực và tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh tiền lương và các khoản thưởng như lương tháng 13, thưởng khác cuối năm,

Công ty còn trao thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc có sáng kiến cải tiến được áp dụng hiệu quả trong sản xuất. Đồng thời, Công ty triển khai nhiều chính sách phúc lợi bổ sung như tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan tập thể, khám sức khỏe định kỳ và các hoạt động chăm sóc sức khỏe khác; thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp theo quy định như phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm và các khoản phụ cấp phù hợp với tính chất từng vị trí công việc, qua đó tạo động lực làm việc lâu dài, giúp người lao động yên tâm công tác và phát triển nghề nghiệp bền vững.

VỀ TUYỂN DỤNG

Để có thể thu hút nhiều nhân tài làm việc và cống hiến, Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động được học tập làm việc tốt nhất, được phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với Công ty. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty với những chú trọng vào:

- Tình hình sử dụng lao động và nhu cầu nhân sự thực tế tại các đơn vị, bộ phận;
- Nhu cầu thay thế lao động do nghỉ việc hoặc hưu trí;
- Chính sách nhân sự, chế độ lao động - tiền lương và chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn.

Công ty thực hiện tuyển dụng theo nguyên tắc công khai, minh bạch và bình đẳng, đảm bảo quá trình đánh giá ứng viên được thực hiện khách quan, dựa trên năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và mức độ phù hợp với yêu cầu công việc.

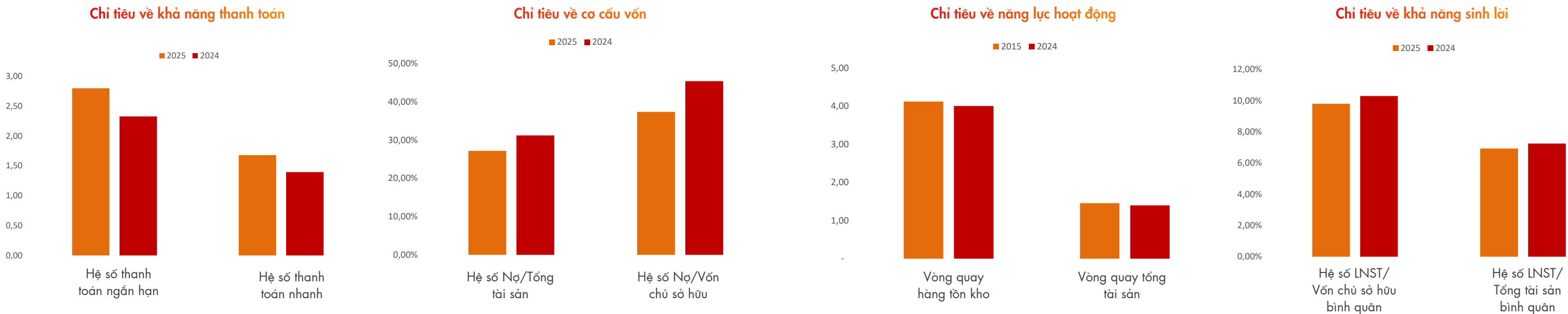
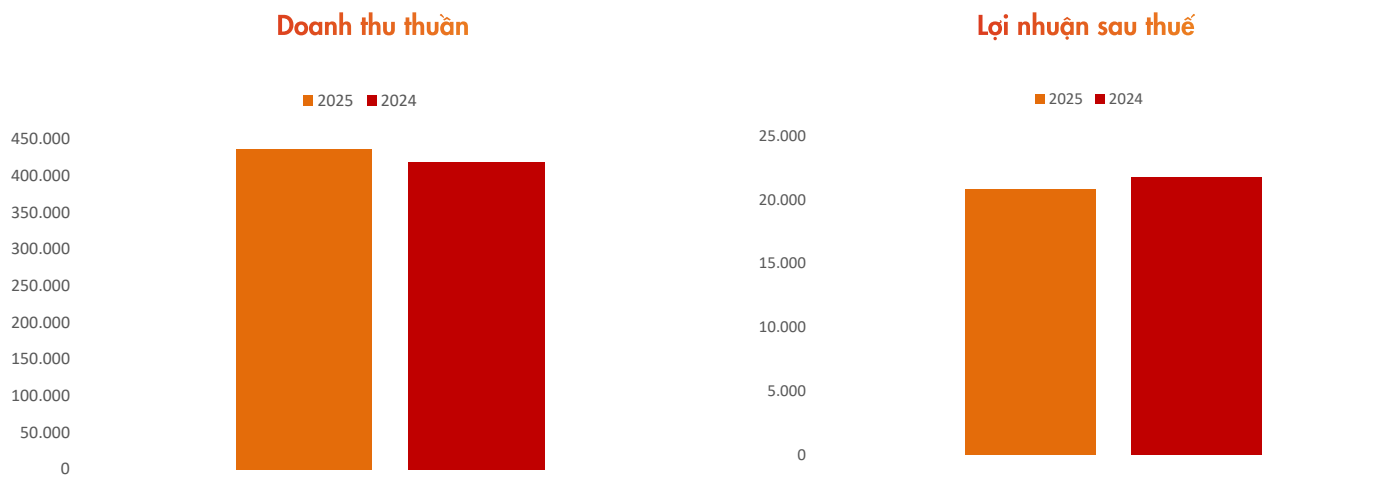


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm so với năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	309.086	290.641	-5,97%
2	Doanh thu thuần	419.054	436.887	4,26%
3	Lợi nhuận gộp	82.617	68.608	-16,96%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	27.017	25.304	-6,34%
5	Thu nhập khác	156	929	493,39%
6	Lợi nhuận trước thuế	27.138	26.046	-4,02%
7	Lợi nhuận sau thuế	21.751	20.794	-4,40%
8	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	1.758	1.680	-4,44%



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,33	2,80
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,40	1,68
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	31,22	27,20
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	45,40	37,36
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,01	4,13
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,40	1,46
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,19	4,76
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,30	9,80
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	7,25	6,93
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	6,45	5,79

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU VỀ
KHẢ NĂNG
THANH TOÁN

Trong năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn của BERUBCO tăng từ 2,33 lần lên 2,80 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,40 lần lên 1,68 lần so với năm 2024. Mặc dù biên lợi nhuận năm 2025 ghi nhận thấp hơn so với các năm trước do áp lực chi phí đầu vào, hai chỉ số này vẫn phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn tích cực của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản ngắn hạn của BERUBCO đạt 221,3 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức 224,6 tỷ đồng đầu năm, cho thấy quy mô tài sản lưu động nhìn chung ổn định và không có biến động lớn so với năm 2024. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ chủ động kiểm soát hàng tồn kho và các khoản phải thu ngắn hạn. Đồng thời, các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng được giảm nhẹ giúp BERUBCO nâng cao chất lượng dòng tiền và giảm rủi ro vốn lưu động.

Về nợ ngắn hạn, tại thời điểm cuối năm 2025 giảm mạnh xuống 79,1 tỷ đồng, so với 96,5 tỷ đồng đầu năm. Trong đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm từ 40,5 tỷ đồng xuống còn 24,1 tỷ đồng nhờ vào việc tắt toán các khoản vay phục vụ nhập nguyên liệu, đồng thời hạn chế phát sinh vay mới. Qua đó BERUBCO đã quản lý dòng tiền thận trọng, cân đối hợp lý giữa nhu cầu vốn lưu động và khả năng thanh toán hơn, góp phần cải thiện các chỉ tiêu thanh khoản và nâng cao mức độ an toàn tài chính.

Trong năm 2025, hệ số nợ/tổng tài sản của BERUBCO giảm từ 31,22% xuống 27,20%, chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động kiểm soát và cắt giảm nợ ngắn hạn, trong khi quy mô tài sản chỉ giảm ở mức không đáng kể. Cụ thể, tổng nợ phải trả giảm từ 96,51 tỷ đồng xuống còn 79,05 tỷ đồng, tương ứng giảm khoảng 18,09%, trong đó vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm mạnh từ 40,5 tỷ đồng xuống 24,1 tỷ đồng. Việc giảm nợ vay trong bối cảnh chi phí nguyên vật liệu đầu vào duy trì ở mức cao cho thấy BERUBCO đã ưu tiên quản lý dòng tiền thận trọng, hạn chế rủi ro tài chính ngắn hạn, qua đó góp phần cải thiện cấu trúc nguồn vốn của Công ty.

Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu của BERUBCO giảm từ 45,40% xuống 37,36%, chủ yếu do Công ty kiểm soát tốt nợ ngắn hạn và giảm các khoản vay tài chính. Việc thận trọng trong sử dụng nợ là cần thiết trong bối cảnh chi phí nguyên vật liệu, đặc biệt là cao su thiên nhiên, biến động và tạo áp lực lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất cao su. Bên cạnh đó, Công ty không phát sinh nợ dài hạn, cho thấy định hướng tận dụng nguồn vốn sẵn có để duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất, qua đó hạn chế áp lực chi phí tài chính.

CHỈ TIÊU VỀ
CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU VỀ
NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của BERUBCO tiếp tục được cải thiện, cho thấy hiệu quả trong việc sử dụng tài sản và quản lý hoạt động sản xuất – kinh doanh. Mặc dù môi trường kinh doanh còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì được nhịp độ sản xuất và tiêu thụ ổn định. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,01 vòng lên 4,13 vòng, cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho được cải thiện so với năm 2024. Kết quả này phản ánh việc Công ty kiểm soát tồn kho hiệu quả hơn, giảm thời gian lưu kho, đồng thời phù hợp với định hướng hạn chế tích trữ trong bối cảnh giá nguyên vật liệu đầu vào biến động và nhu cầu thị trường phục hồi chưa đồng đều.

Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,40 vòng lên 1,46 vòng, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu tiếp tục được nâng cao. Sự cải thiện này đến từ việc doanh thu duy trì tăng trưởng trong khi quy mô tài sản không gia tăng tương ứng, đồng thời được hỗ trợ bởi sự phục hồi dần của các ngành khách hàng chủ lực như xi măng và khai khoáng, giúp hoạt động sản xuất – kinh doanh của BERUBCO được mở rộng và khai thác tài sản hiệu quả hơn trong năm 2025.

Trong năm 2025, mặc dù doanh thu của BERUBCO vẫn duy trì tăng trưởng, biến động bất lợi của chi phí đầu vào tiếp tục gây áp lực lên hiệu quả sinh lời của Công ty.

Nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào, đặc biệt là cao su thiên nhiên, duy trì ở mức cao, làm gia tăng giá vốn hàng bán, trong khi Công ty phải duy trì chính sách giá bán và chiết khấu phù hợp để đảm bảo khả năng cạnh tranh, khiến biên lợi nhuận bị thu hẹp so với năm trước. Đối với các chỉ tiêu sinh lời dựa trên vốn và tài sản, hiệu quả cũng ghi nhận xu hướng giảm nhẹ:

Diễn biến này phản ánh tác động trực tiếp của việc lợi nhuận suy giảm trong năm, trong khi Công ty vẫn duy trì quy mô vốn chủ sở hữu và tổng tài sản ở mức ổn định. Tuy vậy, các chỉ tiêu sinh lời vẫn được duy trì ở mức hợp lý, cho thấy BERUBCO giữ được nền tảng hoạt động ổn định và khả năng tạo lợi nhuận trong bối cảnh chi phí đầu vào còn nhiều áp lực.

CHỈ TIÊU VỀ
KHẢ NĂNG
SINH LỜI



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG,
THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài tại ngày 31/12/2025

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	2.457.578	19,86	1	1	-
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Trong nước	8.355.658	67,52	2	2	-
-	Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông khác	1.561.764	12,62	593	12	581
-	Trong nước	1.370.254	11,07	559	6	553
-	Nước ngoài	191.510	1,55	34	6	28
TỔNG CỘNG		12.374.997	100	596	15	581
Trong đó: - Trong nước		12.183.487	98,45	562	9	553
- Nước ngoài		191.510	1,55	34	6	28

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 31/12/2025.

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	TCT Công Nghiệp Sài Gòn -TNHH MTV	58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường Xóm Chiếu, TP.HCM	2.457.578	19,86
2	Tập đoàn Công Nghiệp cao su VN-CTCP	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.HCM	6.045.658	48,85
3	CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên	604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	2.310.000	18,67

Căn cứ công văn số 6065/UBCK-PTTT ngày 12 tháng 09 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là: 50%.

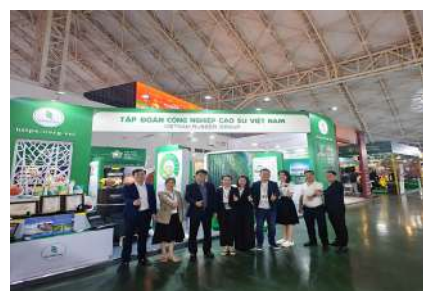


BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức ngày càng gia tăng liên quan đến biến đổi khí hậu, cạn kiệt tài nguyên và chất lượng môi trường sống, phát triển bền vững đã trở thành mối quan tâm chung của cộng đồng quốc tế trong nhiều năm qua. Tại Việt Nam, Đảng và Chính phủ đã thể hiện rõ định hướng và cam kết mạnh mẽ đối với phát triển bền vững thông qua việc ban hành và triển khai Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030, phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Những định hướng này không chỉ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới.

Công ty xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược hoạt động, dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường.

KINH TẾ



- Công ty hướng tới duy trì hiệu quả tài chính ổn định thông qua việc tối ưu hóa hoạt động sản xuất – kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường và quản trị nguồn vốn một cách thận trọng, hiệu quả.

XÃ HỘI



- Công ty đề cao trách nhiệm đối với người lao động và cộng đồng, chú trọng bảo đảm việc làm, thu nhập và phúc lợi cho CBCNV, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng, hỗ trợ an sinh xã hội và tạo cơ hội việc làm tại các khu vực Công ty hoạt động.

MÔI TRƯỜNG



- Công ty cam kết tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, từng bước áp dụng các giải pháp sản xuất thân thiện với môi trường, kiểm soát chất thải và phát thải, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, qua đó góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và bảo vệ hệ sinh thái.



TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ cao su, BERUBCO luôn xác định bảo vệ môi trường là cam kết xuyên suốt trong quá trình sản xuất – kinh doanh, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Trên cơ sở đó, BERUBCO triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nhằm hạn chế tác động đến môi trường và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Công ty đã chuyển đổi một phần công nghệ từ lưu hóa sản phẩm bằng đốt lò than đá sang công nghệ lưu hóa bằng dầu, giúp giảm phát thải carbon, khói bụi. Định hướng thay thế hơi nhiệt lò hơi bằng việc mua hơi nhiệt từ bên ngoài, đồng thời lên kế hoạch thực hiện:

Cải tạo môi trường sản xuất an toàn hơn, ít ô nhiễm nhất có thể và tiết giảm chi phí

Tập trung tiết giảm chi phí điện năng trong điều kiện giá điện tăng, nghiên cứu áp dụng điện từ năng lượng mặt trời. Giúp giảm tiêu hao điện điện lưới và các tấm pin năng lượng giúp nhà xưởng được mát hơn trong mùa khô.

Áp dụng hệ thống quản lý môi trường để kiểm soát các tác động môi trường và tuân thủ pháp luật.



Quản lý môi trường không chỉ là nghĩa vụ tuân thủ pháp luật mà còn là trách nhiệm xã hội của BERUBCO đối với người lao động và cộng đồng. Công ty cam kết tiếp tục duy trì, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả các biện pháp bảo vệ môi trường, hướng tới xây dựng môi trường làm việc an toàn, giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển bền vững chung của xã hội.



NGUYÊN VẬT LIỆU

BERUBCO xác định quản lý bền vững nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng nhằm hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các biện pháp chủ yếu sau:

Nâng cao năng lực dự báo thị trường: Công ty chủ động theo dõi sát các thông tin kinh tế vĩ mô từ những thị trường có ảnh hưởng lớn đến biến động giá cao su, đồng thời cập nhật liên tục các nguồn tin đa chiều nhằm kịp thời nhận diện xu hướng và có phương án ứng phó phù hợp.

Kiểm soát rủi ro giá hàng hóa: Xây dựng và triển khai các kịch bản tín dụng linh hoạt, góp phần tối ưu hóa công tác phòng ngừa rủi ro biến động giá hàng hóa.

Tối ưu quản trị nguyên vật liệu: Tăng cường quản trị kho nguyên nhiên vật liệu cả về số lượng và thời điểm nhập hàng, qua đó nâng cao khả năng thích ứng với các biến động của thị trường.

Đảm bảo ổn định chuỗi cung ứng: Đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung từ nhiều khu vực và thị trường khác nhau, đồng thời ký kết các hợp đồng mua dài hạn nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ hoạt động sản xuất.

Thông qua các biện pháp trên, BERUBCO cam kết sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách tiết kiệm, hiệu quả và có trách nhiệm, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và hướng tới phát triển bền vững trong dài hạn.

Xử lý chất thải rắn			
Tổng khối lượng chất thải rắn (tấn)	Phương thức xử lý		
	Tự xử lý	Thuê xử lý	
		Tên nhà thầu	Thời gian
17,85	-	Công Ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích huyện Củ Chi	01/01/2025-31/12/2025
2,775	-	Công ty CP Môi Trường Xanh VN	01/01/2025-31/12/2025
2,717	-	Công ty CP Môi Trường Xanh VN	01/01/2025-31/12/2025



CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh việc duy trì các hoạt động sản xuất và kinh doanh bền vững, Công ty luôn chủ động triển khai các chương trình an sinh xã hội nhằm thúc đẩy bình đẳng, lan tỏa yêu thương và phát huy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng. Thông qua những hoạt động này, Công ty mong muốn tạo ra các giá trị sống tích cực, không chỉ trong Công ty mà còn lan rộng ra toàn xã hội. Ngoài việc ủng hộ các quỹ an sinh xã hội định kỳ hàng năm, Công ty cũng tích cực tham gia vào các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng, với mục tiêu đóng góp vào sự phát triển chung và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cán bộ nhân viên cũng như người dân địa phương

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện các công tác chăm lo đến đời sống người lao động và thực hiện công tác an sinh, xã hội như sau:

Tổ chức các hoạt động chăm lo Tết Nguyên đán Ất Tỵ, tặng quà cho đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn.

Theo dõi sát tình hình việc làm, thu nhập và đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chính đáng của người lao động.

Triển khai các phong trào thi đua, nâng cao trình độ chuyên môn và tác phong công nghiệp.

Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và ý thức pháp luật cho công nhân.

Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện và hỗ trợ cộng đồng



Với những thành quả đã đạt được trong suốt những năm qua, Công ty cam kết duy trì và phát huy những thành tựu đó, không ngừng nỗ lực tạo ra giá trị cho khách hàng, đối tác, cộng đồng và xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT

Công ty xác định việc tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường là nền tảng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó hạn chế rủi ro pháp lý và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai đồng bộ các biện pháp sau:

Những mục tiêu này không chỉ giúp Công ty duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh bền vững, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường mà còn đồng thời góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng và gìn giữ môi trường sống cho các thế hệ tương lai.

Kiểm soát phát thải và quản lý chất thải: Áp dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm phát thải trong quá trình sản xuất, đồng thời thực hiện phân loại, thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định, bảo đảm an toàn cho môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế: Thực hiện đầy đủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường của Việt Nam và từng bước tiếp cận các thông lệ, tiêu chuẩn quốc tế phù hợp; công tác lập và báo cáo hồ sơ môi trường được thực hiện đúng hạn, trung thực và minh bạch.

Xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường: Công ty đặc biệt chú trọng xây dựng và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa bảo vệ môi trường trong toàn thể CBCNV, từ cấp lãnh đạo đến nhân viên, nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích mọi người cùng chung tay bảo vệ môi trường.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty cam kết thực hiện các giải pháp hiệu quả để tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sản xuất. Các biện pháp được triển khai bao gồm:

- Đầu tư và nâng cấp trang thiết bị:** Ưu tiên sử dụng máy móc, thiết bị có hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng, từng bước thay thế các thiết bị cũ nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm mức tiêu thụ năng lượng.
- Tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng:** Thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống máy móc, thiết bị để đảm bảo vận hành ổn định, hạn chế hao phí năng lượng và kéo dài tuổi thọ tài sản.
- Quản lý và giám sát tiêu thụ năng lượng:** Theo dõi, đánh giá định kỳ mức tiêu thụ năng lượng tại các bộ phận, kịp thời điều chỉnh các khâu sử dụng chưa hiệu quả.
- Nâng cao nhận thức của người lao động:** Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn CBCNV thực hành sử dụng năng lượng tiết kiệm, hình thành thói quen làm việc thân thiện với môi trường.

Thông qua các giải pháp trên, Công ty sẽ không ngừng cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, góp phần giảm chi phí sản xuất, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn..

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Tình hình tiêu thụ năng lượng				
TT	Nội dung	Đơn vị	Năm 2025	Ghi chú
1	Dầu DO	Lít	35.000	Quy đổi: 36,845 KJ/ Lít
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	1.115.666.600	
2	Xăng	Lít	4.070	Quy đổi: 34,752 KJ/ Lít
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	140.398.080	
3	Than đá	Kg	103.130	Quy đổi: Nhiệt trị 4000 Kcal/kg 1Kcal=4.186KJ
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	1.911.829.920	
4	Điện	kwh	8.660.889	Quy đổi: 3600 KJ/ kwh
	Tổng năng lượng tiêu thụ	Kjun	30.266.294	



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn đề cao trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên nước, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các biện pháp cụ thể sau:

- Nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm:** Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn CBCNV thực hành tiết kiệm nước trong quá trình làm việc và sinh hoạt tại nơi làm việc, qua đó hạn chế thất thoát và lãng phí tài nguyên nước.
- Tối ưu hệ thống cấp thoát nước:** Cải tạo toàn bộ hệ thống cấp thoát nước để giảm lượng nước rò rỉ trong sinh hoạt cũng như sản xuất
- Đầu tư, cải tiến hệ thống xử lý nước thải:** Thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải nhằm bảo đảm nước thải đầu ra đạt quy chuẩn theo quy định pháp luật trước khi xả ra môi trường, góp phần bảo vệ nguồn nước và giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm.

Các giải pháp trên không chỉ giúp kiểm soát hiệu quả lượng nước tiêu thụ trong hoạt động sản xuất mà còn thể hiện cam kết lâu dài trong việc gìn giữ và bảo vệ nguồn tài nguyên nước, đóng góp tích cực cho lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng, tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Nguồn nước

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (ĐVT: Lít)
1	Nước thủy cục	23.348
Tổng cộng		23.348

Lượng nước sử dụng

STT	Loại hoạt động	Tổng lượng nước sử dụng (ĐVT: lít)
1	Nước sinh hoạt và sản xuất	27.689.000
Tổng cộng		27.689.000

Xử lý nước thải

Tổng lượng nước thải (tấn)	Tổng lượng nước thải được xử lý (m3)	Phương thức xử lý		
		Tự xử lý	Thuê xử lý	
			Tên nhà thầu	Thời hạn hợp đồng
16.343.6	16.343.6		CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp - Thương Mại Củ Chi	31-12-2031





**BÁO CÁO VÀ
ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	56
Tình hình tài chính	62
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	64
Kế hoạch phát triển trong tương lai	66



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục vận động trong trạng thái phục hồi thận trọng, song đã xuất hiện nhiều tín hiệu ổn định hơn so với giai đoạn trước. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 dự kiến đạt khoảng 3,2%, phản ánh xu hướng phục hồi từng bước của các nền kinh tế lớn trong bối cảnh lạm phát toàn cầu có xu hướng hạ nhiệt và các chuỗi cung ứng dần được cải thiện. Mặc dù các yếu tố địa chính trị và biến động giá năng lượng vẫn hiện hữu, môi trường kinh doanh quốc tế nhìn chung đang chuyển sang trạng thái cân bằng hơn, tạo nền tảng để các doanh nghiệp xây dựng kế hoạch trung và dài hạn một cách chủ động.

Trong nước, kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực và là điểm sáng trong khu vực. Theo Tổng cục Thống kê, GDP năm đạt 8,02% so với cùng kỳ, trong đó khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,97%, tiếp tục giữ vai trò động lực tăng trưởng chủ đạo của nền

kinh tế. Hoạt động xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ ghi nhận mức tăng 18,20% cho thấy nhu cầu thị trường quốc tế đang từng bước cải thiện và mở ra dư địa tăng trưởng cho các doanh nghiệp sản xuất trong nước.

Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn ghi nhận doanh thu thuần tăng trưởng đạt 437 tỷ đồng, tăng 4,26% so với năm trước dù phải chịu áp lực cạnh tranh giá gay gắt. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sản phẩm cao su, đặc biệt là băng tải. Ngoài ra, BERUBCO đã cải thiện tích cực được các khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tương ứng với mức giảm 19,02% và 27,89% so với cùng kỳ nhờ vào việc tối ưu bộ máy tổ chức vận hành trong giai đoạn giá vốn còn nhiều biến động từ đó mang lại sự ổn định lâu dài trong việc tăng trưởng bền vững và mang lại lợi ích tối đa cho cổ đông.



KHÓ KHĂN

Năm 2025, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục tiềm ẩn nhiều bất ổn. Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2025 dự kiến chỉ đạt 3,2%, phản ánh xu hướng phục hồi chậm và thiếu đồng đều, trong khi lạm phát dù hạ nhiệt nhưng vẫn duy trì ở mức cao tại nhiều khu vực, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và thương mại quốc tế. Các yếu tố như xung đột địa chính trị kéo dài, biến động giá năng lượng và chính sách tiền tệ thận trọng tiếp tục làm gia tăng rủi ro đối với chuỗi cung ứng và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Trong nước, mặc dù kinh tế Việt Nam duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP quý III/2025 tăng 8,23% và khu vực công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,98% (Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam), hoạt động sản xuất vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động tỷ giá và thị trường quốc tế. Đặc biệt, trong những tháng đầu năm 2025, các diễn biến mới liên quan đến chính sách thuế quan của Hoa Kỳ đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam đã tạo áp lực lên tỷ giá USD/VND. Theo phân tích của UOB Việt Nam, nhu cầu nắm giữ USD gia tăng trong bối

cảnh doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu và sản xuất trong thời gian tạm hoãn thuế, cùng với hoạt động mua ngoại tệ của Kho bạc Nhà nước, đã khiến tỷ giá biến động mạnh, làm gia tăng chi phí đầu vào và rủi ro tài chính cho hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, các ngành khách hàng chủ lực của BERUBCO như xi măng và khai khoáng tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn. Thị trường xi măng chịu áp lực dư cung lớn khi công suất toàn ngành vượt 110 triệu tấn, trong khi nhu cầu nội địa dưới 70 triệu tấn, dẫn đến cạnh tranh giá gay gắt và thu hẹp biên lợi nhuận của các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị (Nguồn: Vietnam Cement Industry Databook Q4 2025 Update; GlobeNewswire). Đồng thời, chi phí sản xuất tiếp tục chịu áp lực từ giá nguyên vật liệu, đặc biệt là cao su tự nhiên, do tình trạng mất cân đối cung – cầu toàn cầu kéo dài. Theo ANRPC và Reuters, nguồn cung cao su năm 2025 chỉ tăng 0,4% trong khi nhu cầu tăng 1,7%, khiến giá nguyên liệu duy trì ở mức cao, tác động trực tiếp đến chi phí sản xuất và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



THUẬN LỢI

Mặc dù bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều bất định, năm 2025 vẫn ghi nhận nhiều yếu tố thuận lợi cho hoạt động sản xuất – kinh doanh trong nước nhờ nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định và chính sách điều hành linh hoạt của Chính phủ. Theo Ngân hàng Thế giới, GDP Việt Nam trong nửa đầu năm 2025 tăng 7,5% so với cùng kỳ, cao hơn mức 6,5% của cùng kỳ năm trước, phản ánh sự phục hồi đồng thời của sản xuất, đầu tư và tiêu dùng nội địa. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ xuất khẩu duy trì đà tích cực, đầu tư công được đẩy mạnh và dòng vốn FDI tiếp tục ổn định, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất công nghiệp.

Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực, đặc biệt tại các ngành gắn liền với lĩnh vực hoạt động của Công ty. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) mười một tháng năm 2025 tăng 9,3% so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,6%. Đáng chú ý, ngành

sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic ghi nhận mức tăng trưởng 16,4%, cho thấy nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm cao su tiếp tục được cải thiện.

Bên cạnh đó, hoạt động xuất khẩu trong năm 2025 ghi nhận sự khởi sắc rõ nét, đặc biệt tại thị trường Hoa Kỳ – một trong những thị trường xuất khẩu quan trọng của BERUBCO. Theo Ngân hàng Thế giới, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong nửa đầu năm 2025 tăng 14,2% so với cùng kỳ, trong đó xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng mạnh 28,3%. Diễn biến này phản ánh môi trường thương mại trong ngắn hạn có nhiều thuận lợi hơn, tạo điều kiện để các doanh nghiệp đẩy mạnh giao hàng và mở rộng thị trường. Trên cơ sở đó, BERUBCO có thêm dư địa để duy trì sản xuất ổn định, tận dụng sự phục hồi của nhu cầu tại các thị trường trọng điểm, đồng thời củng cố nền tảng cho hoạt động kinh doanh trong trung và dài hạn.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



CÔNG TÁC KINH DOANH

Về giá bán: Tùy vào tình hình cụ thể Bến Thành sẽ có chính sách giá bán phù hợp để đảm bảo doanh số và lợi nhuận. Thời gian gần đây, giá bán của Bến Thành đã có thể cạnh tranh được với các đối thủ và mở rộng được thị phần nhất định.

Về công tác tham gia các hội nghị xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm: Trong năm Bến Thành đã tham gia các hội chợ triển lãm quảng bá thương hiệu và giới thiệu các sản phẩm đến khách hàng như:

- Hội nghị tổng kết ngành công thương thành phố năm 2024, triển khai chương trình công tác năm 2025 ngày 07/01/2025.
- Hội chợ quốc tế đồ gỗ và mỹ nghệ xuất khẩu Việt Nam năm 2025 (VIFA EXPO 2025) từ ngày 05/03 đến ngày 08/03.
- Hội chợ hàng Việt Nam tiêu biểu xuất khẩu năm 2025 từ ngày 27/03 đến ngày 29/03.
- Triển lãm quốc tế giấy và bao bì Việt Nam 2025 từ ngày 07/05 đến ngày 09/05.

Về công tác quảng bá sản phẩm, quảng bá thương hiệu: Trong năm Bến Thành tiếp tục duy trì công tác quảng bá hình ảnh như áp dụng công nghệ và marketing số trên các nền tảng như Google Search; Linked In; Email Marketing; trang Web Công ty; Google Display Network... qua đó đã giúp đơn vị phát triển thương hiệu, cũng như tiếp cận được thêm nhiều khách hàng tiềm năng hơn.

- Triển lãm Rubber & Tyre Vietnam 2025 từ ngày 25/06 đến ngày 27/06.
- Hội nghị tìm kiếm nhà cung cấp công nghiệp hỗ trợ 2025, 04/07/2025, SECC
- Hội chợ mùa thu năm 2025, 25/10 - 04/11/2025, tại Trung tâm triển lãm Việt Nam VEC
- Triển lãm Quốc tế về Công nghiệp Hoá chất lần thứ 21 VINACHEM EXPO 2025 từ ngày 27/11 đến ngày 29/11.



CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Điều chỉnh giảm thời gian lưu hoá 5 phút và tăng nhiệt độ lên 50C cho băng tải lõi thép loại thông dụng.
- Điều chỉnh loại cao su mới và cải tiến công thức sản xuất sản phẩm nhằm tạo ra sản phẩm có giá thành cạnh tranh, đồng thời luôn đảm bảo các tính năng khác không thay đổi.

- Nghiên cứu điều chỉnh công thức cán tráng giảm thời gian lưu hoá 2 phút cho băng tải thông dụng (gồm 1 phút lưu hoá và 1 phút nhồi áp).



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý thông qua việc số hóa các biểu mẫu kiểm tra nhằm giảm thiểu việc lưu trữ hồ sơ giấy, nâng cao hiệu quả quản lý và tra cứu thông tin.

Đồng thời, Công ty duy trì bố trí nhân sự giám sát công tác an toàn trong nội xưởng, đặc biệt đối với các thiết

bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn như xe nâng, cầu trục, máy cán luyện,...

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện bổ sung, luân chuyển và huấn luyện công nhân phù hợp nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất băng tải đang gia tăng.



VẤN ĐỀ TUÂN THỦ NỘI QUY, AN TOÀN, BHLĐ, PCCC VÀ VSCN

- Đánh giá KPI hằng tháng và cuối năm theo bộ tiêu chí mới đối với toàn bộ công nhân viên xưởng sản xuất;
- Duy trì việc kiểm tra hàng ngày, định kỳ hệ thống PCCC và nạp khí cho các bình chữa cháy theo định kỳ;
- Cải tạo mái nhà xưởng cán luyện và bảo trì quả cầu thông gió, bảo trì hệ thống hút bụi và hệ thống làm mát không khí nhằm duy trì môi trường làm việc thông thoáng;

- Hoàn thiện lắp đặt hệ thống quạt phun sương làm mát cho toàn xưởng bida;
- Thực hiện duy trì nhà xưởng và sắp xếp lại kho thành phẩm, kho thùng đóng gói thông thoáng;
- Đã trang bị đồng phục bảo hộ lao động cho công nhân viên xưởng;
- Kiểm tra định kỳ công tác ATVSLĐ, VSCN và PCCC.



CÔNG TÁC SẢN XUẤT, BẢO TRÌ TẠI XƯỞNG

Về chất lượng

- Duy trì thực hiện ổn định chất lượng các dòng sản phẩm chủ lực: băng tải, dây curoa, cao su kỹ thuật... đảm bảo sự tuân thủ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015;
- Duy trì sản xuất băng tải lõi thép ổn định, bao gồm băng tải gàu thép; băng tải xuất khẩu: Transico (2 cont), Muhler (1 cont), Belt Service (2 cont); Singapore 600 tấm;
- Thực hiện sản xuất băng tải khổ lớn B2600 và nối đầu chu vi B2600 cho khách hàng mới đáp ứng nhu cầu cho khách hàng;
- Tiếp tục sản xuất liên tục các đơn hàng bida super speed, brunswick, thanh bida 3M, thanh cao su trắng, MPE, AGC, ...;
- Đã thử nghiệm và sản xuất thành công, giao hàng 10 bộ bản lề mới nối nhanh băng tải đầu tiên cho khách hàng;
- Sản xuất và gửi mẫu 1 bộ bida K66 cho khách hàng đánh giá;
- Làm mẫu các mã hàng mới YD00015801 và YD00015803 cho khách hàng Nhật;
- Đưa vào áp dụng công nghệ bọc rulo/tang băng tải bằng phương pháp then cài.

Về tình hình máy móc thiết bị và nhà xưởng

- Duy trì ổn định máy móc thiết bị phục vụ sản xuất;
- Cải tiến lắp băng chuyền chuyển keo băng tải từ máy cán hồ qua máy ói và lắp biển tần cho máy cán để vận hành thiết bị ổn định, giảm hỏng hóc và ổn định chất lượng;
- Thay khung đỡ dưới lưu hóa băng tải 6M bị cong vênh để cải thiện khuyết tật ngoại quan sản phẩm băng tải, tapi;
- Bảo trì thay dây cáp nguồn trạm điện 1000KVA, thay trụ điện mới do sử dụng lâu ngày bị tróc vỏ không an toàn, rỉ sét;
- Thiết kế chế tạo máy thử nghiệm dây courroie để kiểm tra chất lượng dây chạy thực tế;
- Cải tạo lại máy ép bida 1.2x1.8m để khắc phục hiện tượng quá tải và lực ép của máy không đều, khắc phục hiện tượng kích thước không đều;
- Bảo trì trọng tâm máy cán tráng băng tải, máy luyện kín LK100, máy luyện kín LK75, máy lưu hóa băng tải lõi thép, máy lưu hóa băng tải lõi vải, máy cán tráng nhằm ổn định chất lượng sản phẩm;
- Cải thiện hệ thống thanh ray gắn khuôn tấm chắn bùn dày khi sản xuất giúp cho người công nhân không phải hàn thớt nhiệt để gắn khuôn mỗi khi thay khuôn lên máy, thao tác gắn khuôn nhanh và dễ dàng;
- Sửa chữa và thay thế các bộ trục kéo căng và lưu hóa dây courroie dài. Giúp cho người công nhân khi lưu hóa thao tác quay dây nhẹ nhàng và dễ dàng hơn, các dây sau khi lưu hóa ít bị lệch chu vi hơn;
- Đưa vào sử dụng hoạt chất bảo vệ khuôn mâm thớt MK222 để bảo vệ mâm thớt nhiệt giảm hiện tượng ăn mòn và nhanh do thớt nhiệt, giúp quá trình vệ sinh được dễ dàng hơn.



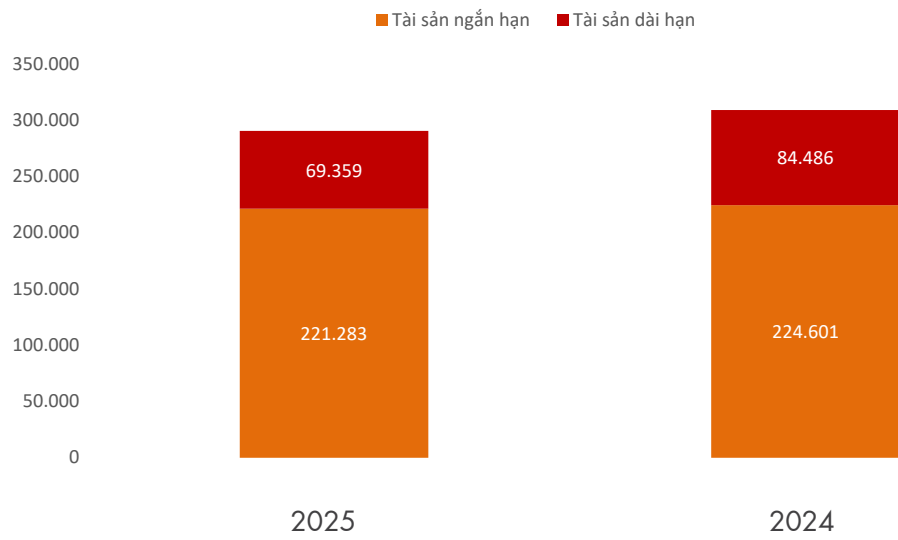
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

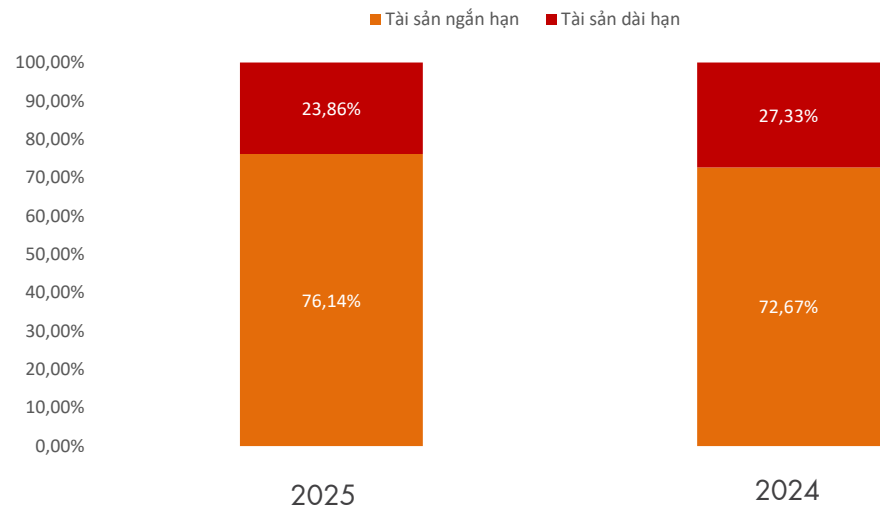
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	31/12/2025	Tỷ trọng năm 2025	% Tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	224.601	72,67%	221.283	76,14%	-1,48%
Tài sản dài hạn	84.486	27,33%	69.359	23,86%	-17,90%
Tổng tài sản	309.086	100%	290.641	100%	-5,97%

Tình hình tài sản (giá trị)



Tình hình tài sản (tỉ trọng)



Nhìn chung cơ cấu tài sản Công ty vẫn duy trì ổn định và không có nhiều thay đổi so với năm 2024. Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của BERUBCO đạt 290,64 tỷ đồng, giảm 5,97% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tài sản dài hạn, do tài sản ngắn hạn chiếm trên 70% cơ cấu tài sản và không có nhiều biến động trong năm. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 221,28 tỷ đồng, giảm 1,48%, song tỷ trọng tăng từ 72,67% lên 76,14%, cho thấy Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tài sản linh hoạt. Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm từ 84,486 tỷ đồng xuống 69,35 tỷ đồng, tương ứng giảm 17,90%, chủ yếu đến từ các khoản khấu hao tài sản cố định hữu hình.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Không có

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

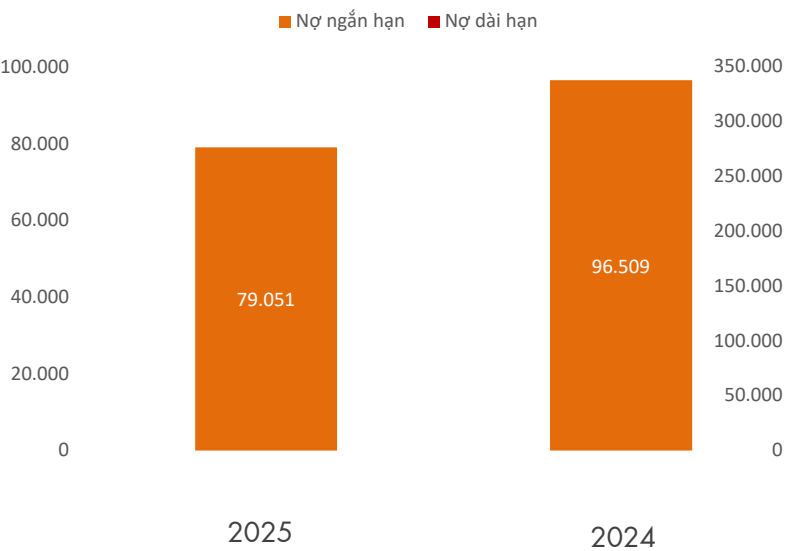
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2024	Tỷ trọng năm 2024	31/12/2025	Tỷ trọng năm 2025	% Tăng giảm
Nợ phải trả	96.509	31,22%	79.051	27,20%	-18,09%
- Nợ ngắn hạn	96.509	31,22%	79.051	100,00%	-18,09%
- Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	212.578	68,78%	211.591	72,80%	-0,46%
Tổng nguồn vốn	309.086	100,00%	290.641	100,00%	-5,97%

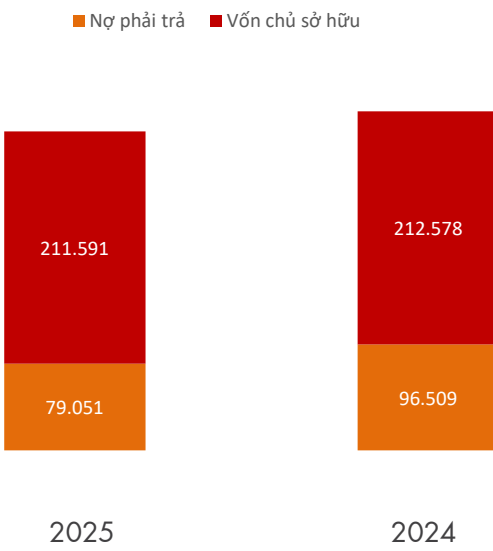
Trong năm 2025, nợ phải trả của BERUBCO giảm từ 96,51 tỷ đồng xuống còn 79,05 tỷ đồng, tương ứng giảm 18,09%, chiếm 27,20% tổng nguồn vốn so với mức 31,22% của năm 2024. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc Công ty quản lý hiệu quả hơn các khoản phải trả cho người bán, đặc biệt là các khoản thanh toán nguyên vật liệu mỏ cao su thiên nhiên. Các khoản vay tài chính ngắn hạn được sử dụng có mục tiêu nhằm phục vụ thanh toán cho nhà cung cấp và được tất toán phù hợp với chu kỳ sản xuất - kinh doanh, qua đó giúp giảm dư nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm, đồng thời vẫn đảm bảo nhu cầu vốn lưu động cho hoạt động sản xuất.

Tính đến ngày 31/12/2025, vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 211,59 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,46% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu là do lợi nhuận sau thuế giữ lại trong năm thấp hơn năm trước, trong bối cảnh chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao làm thu hẹp biên lợi nhuận, ảnh hưởng đến quy mô tích lũy vốn. Dù vậy, vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng cao, đạt 72,80% tổng nguồn vốn, cho thấy Công ty tiếp tục duy trì nền tảng tài chính an toàn, ưu tiên sử dụng vốn tự có để hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Tình hình nợ phải trả (giá trị)



Tình hình tổng nguồn vốn (giá trị)



1

Công tác điều hành, sản xuất

Tuân thủ hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015: Công ty luôn duy trì và thực hiện nghiêm ngặt hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, đảm bảo tất cả các phòng ban đều hoạt động theo quy trình chuẩn mực, giúp quá trình sản xuất ổn định và chất lượng sản phẩm đồng đều. Hơn nữa, phòng thí nghiệm của Công ty được vận hành theo hệ thống ISO 17025, mang lại độ chính xác và tin cậy cao trong kết quả kiểm nghiệm.

Kiểm soát chất lượng nguyên liệu và tiết kiệm năng lượng: Công ty thực hiện kiểm soát chặt chẽ định mức tiêu hao nguyên liệu và xây dựng kế hoạch tiết kiệm điện năng, than đá, qua đó giúp giảm thiểu chi phí sản xuất một cách hiệu quả, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và bảo vệ môi trường.

Quản lý chuỗi cung ứng nguyên vật liệu: Công ty đã xây dựng một mạng lưới các nhà cung cấp đáng tin cậy, duy trì mối quan hệ lâu dài với từ 3-4 nhà cung cấp cho mỗi

loại nguyên vật liệu, đảm bảo tính ổn định trong nguồn cung, đặc biệt trong bối cảnh biến động giá cao su. Điều này giúp Công ty duy trì giá mua hợp lý và nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

Lập kế hoạch sản xuất và bảo trì thiết bị: Công ty luôn xây dựng các lịch trình sản xuất phù hợp, đảm bảo tiến độ giao hàng chính xác. Công tác bảo trì và bảo dưỡng thiết bị được thực hiện định kỳ, kịp thời, giúp đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định, từ đó không làm gián đoạn quá trình sản xuất.

Chú trọng an toàn lao động và bảo vệ môi trường: Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác an toàn lao động, vệ sinh và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất. Các chính sách chăm lo đời sống cho cán bộ, nhân viên được triển khai hiệu quả, tạo động lực làm việc mạnh mẽ, giảm thiểu tình trạng nghỉ việc và giữ chân đội ngũ nhân sự tài năng, tâm huyết gắn bó lâu dài với Công ty.

2

Quản lý nguồn nhân lực

Tạo môi trường làm việc an toàn, xanh, sạch: Công ty luôn nỗ lực tạo ra một môi trường làm việc an toàn, hiện đại, và thân thiện với môi trường, giúp người lao động thoải mái làm việc, duy trì năng suất cao và tinh thần làm việc tích cực.

Đảm bảo việc làm ổn định: Công ty luôn chú trọng đến việc cung cấp việc làm ổn định và lương thưởng hợp lý cho người lao động, bảo vệ quyền lợi của họ và tạo ra sự gắn kết lâu dài với Công ty.

Chính sách lương thưởng hợp lý: Công ty xây dựng chính sách lương thưởng công bằng, nhằm ghi nhận những đóng góp xứng đáng của người lao động và tạo động lực làm việc hiệu quả. Công ty cũng đảm bảo đóng bảo hiểm xã hội, y tế, và thất nghiệp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Lộ trình thăng tiến rõ ràng, công bằng: Công ty cung cấp lộ trình

thăng tiến minh bạch, công bằng, khuyến khích người lao động phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài với sự phát triển bền vững của Công ty.

Khuyến khích đóng góp ý tưởng sáng tạo: Công ty luôn khuyến khích người lao động tham gia đóng góp ý tưởng sáng tạo, góp phần vào cải tiến quy trình sản xuất, tối ưu hóa chi phí và nâng cao hiệu suất công việc, qua đó tăng doanh thu và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

Hỗ trợ phúc lợi xã hội: Công ty đặc biệt chú trọng đến phúc lợi xã hội cho người lao động, bao gồm khám sức khỏe định kỳ và các phúc lợi khác, đảm bảo sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân viên, từ đó nâng cao môi trường làm việc lành mạnh.

3

Nghiên cứu cải tiến, áp dụng khoa học kỹ thuật

Chú trọng sử dụng các kỹ thuật tiên tiến: Công ty luôn chú trọng áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong chế tạo máy móc và thiết bị phục vụ quá trình sơ chế mủ cao su thiên nhiên. Việc này giúp hạn chế tối đa sai sót kỹ thuật, nâng cao chất

lượng sản phẩm, giảm giá thành sản phẩm, và đặc biệt là giảm chi phí sản xuất cho khách hàng.

4

Công tác bán hàng, kinh doanh

Mở rộng mạng lưới truyền thông, quảng bá thương hiệu: Công ty tiếp tục mở rộng mạnh mẽ các kênh truyền thông để quảng bá thương hiệu, nhằm tạo dựng một Công ty vững mạnh và uy tín không chỉ tại thị trường nội địa mà còn vươn ra thị trường quốc tế. Đẩy mạnh tiêu thụ

trong nước: Công ty thực hiện các biện pháp tiêu thụ mạnh mẽ trong nước, đồng thời áp dụng các chính sách bán hàng linh hoạt để duy trì và tăng cường tiêu thụ tại thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và tăng trưởng doanh thu.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

Dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2026 duy trì ổn định ở mức 3,1% - 3,2%. Lạm phát toàn cầu đã có xu hướng hạ nhiệt, tạo dư địa để các ngân hàng trung ương lớn từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuy vậy vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro về các xung đột địa chính trị khiến cho thương mại

toàn cầu được dự báo tăng trưởng chậm lại đáng kể khi tác động đầy đủ của các rào cản thương mại lan tỏa. Chuỗi cung ứng container toàn cầu tiếp tục tái cấu trúc, với sự dịch chuyển khỏi các tuyến truyền thống sang các khu vực mới nổi.

Trong bối cảnh dự báo khó khăn vẫn tiếp diễn trong năm 2026, dựa vào năng lực sản xuất của đơn vị và nhu cầu tiêu thụ của các khách hàng lớn tại các ngành như ngành Khai khoáng, Xi măng, Thép... Bến Thành đã theo dõi và bám sát tình hình để đặt ra các chỉ tiêu kế hoạch SXKD trong năm.

Trước triển vọng kinh doanh năm 2026, Ban Giám Đốc quyết tâm thực hiện các kế hoạch sau nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh cao nhất:

1

Giá bán sản phẩm của Bến Thành phù hợp, có thể cạnh tranh cùng các Công ty đối thủ khác. Khách hàng tin tưởng vào chất lượng sản phẩm của Bến Thành.

2

Ngành phân bón: Bước sang năm 2026, ngành phân bón Việt Nam được dự báo đi vào giai đoạn ổn định hơn từ nhu cầu thế giới tăng cao duy trì quanh vùng 400-450 USD/tấn, song song đó, chính sách áp thuế VAT đầu ra 5% tiếp tục phát huy tác động tích cực. Nhờ đó sản lượng Bán tải tiêu thụ ở ngành này dự báo tiếp tục ổn định.

3

Ngành Khai thác khoáng sản than: Mặc dù vẫn tiếp tục gặp khó khăn do điều kiện khai thác ngày càng sâu hơn tuy nhiên Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam đã đặt mục tiêu cao, tập trung sản xuất, kinh doanh để đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, với chỉ tiêu sản xuất 36,8 triệu tấn than nguyên khai, tiêu thụ 50 triệu tấn, và mục tiêu doanh thu 171.645 tỷ đồng, lợi nhuận 5.097 tỷ đồng, nhờ vậy còn nhiều khả năng mở rộng thông qua nhiều kênh tiếp cận

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

ĐVT: Triệu đồng				
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	436.886	411.073
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	20.793	21.210

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Năm 2026, tình hình kinh tế thế giới được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều biến động, với những yếu tố không chắc chắn như chiến tranh thương mại, biến động chính trị và các vấn đề liên quan đến chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh này, dự báo lạm phát sẽ được kiểm soát ở mức 3 - 4,5%, trong khi mục tiêu tăng trưởng kinh tế của

Quốc hội đặt ra cho năm 2026 là tăng trưởng 2 con số. Trước những thách thức và cơ hội này, Công ty sẽ tiếp tục chủ động triển khai các giải pháp để tận dụng xu hướng phục hồi kinh tế và chuẩn bị sẵn sàng đối phó với các khó khăn tiềm tàng trong tương lai.



GIẢI PHÁP KẾ HOẠCH - VẬT TƯ

- Cung ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại vật tư phục vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc.
- Thực hiện tốt các yêu cầu của Ban quản lý chất lượng.
- Bảo đảm cung cấp đủ thông số kỹ thuật đi kèm hàng hóa nhập kho để làm cơ sở cho các bộ phận liên quan xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật của nguyên liệu đầu vào.
- Tiếp tục theo dõi thị trường, cũng như đưa ra các dự báo để bắt kịp xu hướng thị trường, từ đó lên kế hoạch đơn hàng để đáp ứng nhu cầu sản xuất của Công ty.
- Đảm bảo lập kế hoạch sản xuất, thủ tục xuất - nhập hàng hóa, thực hiện công tác giao nhận hàng nhanh chóng, chính xác, kịp tiến độ.



CÔNG TÁC KỸ THUẬT

- Thiết lập qui trình nhiệt luyện phá keo cho cán tráng và cán mặt thực hiện trên 3 máy cán hồ và 1 máy ói.
- Tiếp tục khảo sát và tính toán công thức kéo căng dây courroie lưu hóa dài
- Tiếp tục thử nghiệm công thức Bida K66 sử dụng dầu Naphthenic
- Thử phương án bida K55 của Trọng Hiếu không sử dụng TT để khắc phục tình trạng tăng độ cứng.
- Thử nghiệm thay thế SBR1712 bằng SBR1502 cho công thức cán tráng băng tải thông dụng.
- Tiếp tục rà soát các công thức sử dụng lưu huỳnh không tan (insoluble) để thay bằng lưu huỳnh thường.
- Tiếp tục điều chỉnh các công thức E4, E5, E6 các sản phẩm MP, ISO PAD và MPE để giảm thời gian lưu hóa và giảm giá thành



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026



CÔNG TÁC BÁN HÀNG

- Duy trì và củng cố mối quan hệ với khách hàng truyền thống, giữ vững thị phần hiện có trong các ngành chủ lực như Than, Xi măng, đồng thời tăng mức độ gắn kết thông qua chăm sóc khách hàng và hỗ trợ kỹ thuật sau bán hàng.
- Tập trung tăng tiêu thụ sản phẩm cốt lõi: Băng tải lõi thép, lõi vải và dây courroie, bên cạnh đó tập trung phát triển sản phẩm Cao su kỹ thuật.
- Đối với thị trường nước ngoài: ưu tiên phát triển dòng sản phẩm cao su kỹ thuật có chất lượng kỹ thuật cao, phục vụ cho các ngành công nông nghiệp, đủ sức cạnh tranh kể cả các thị trường khó tính như Nhật, Mỹ...
- Siết chặt công tác quản lý công nợ, kiểm soát rủi ro; ưu tiên các khách hàng có lịch sử thanh toán tốt, đồng thời rà soát điều chỉnh chính sách công nợ phù hợp với từng nhóm khách hàng.
- Xây dựng chính sách giá bán linh hoạt, tính toán hợp lý giữa giá thành – biên lợi nhuận – giá thị trường nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, đặc biệt trước các sản phẩm giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc, nhưng vẫn đảm bảo chất lượng và uy tín thương hiệu.
- Đẩy mạnh mở rộng thị trường khu vực miền Nam, tập trung vào các ngành Gạo, Phân bón thông qua hệ thống đại lý địa phương; song song đó, tăng cường tiếp thị, giới thiệu và gửi mẫu sản phẩm dây courroie, băng tải tại thị trường miền Trung để mở rộng độ phủ sản phẩm.
- Quảng bá mạnh hình ảnh thương hiệu Bến Thành, đặc biệt là sản phẩm băng tải cáp thép tại thị trường miền Bắc; tiếp cận trước các khách hàng quy mô nhỏ nhằm tạo tiền đề mở rộng và thâm nhập vào các khách hàng có quy mô lớn trong tương lai.
- Chủ động tham gia các hội chợ, triển lãm chuyên ngành như cơ khí, logistics, nông nghiệp... để tiếp cận khách hàng mới, mở rộng quan hệ đối tác, đồng thời gia tăng độ nhận diện thương hiệu BERUBCO trên thị trường.
- Tăng cường quảng bá sản phẩm trên các nền tảng số, đặc biệt là LinkedIn để tiếp cận khách hàng doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh hiện diện trên các sàn thương mại điện tử như Shopee... nhằm đa dạng hóa kênh bán hàng.
- Chủ động tìm kiếm và thu thập thông tin để mở rộng mạng lưới khách hàng, tập trung vào các ngành công nghiệp trọng điểm như Than, Xi măng, Luyện kim,... qua đó gia tăng cơ hội tiếp cận các dự án mới.
- Tiếp tục đánh giá và khai thác nhóm khách hàng thương mại, tìm kiếm cơ hội hợp tác phân phối nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và đẩy mạnh quảng bá thương hiệu BERUBCO trên phạm vi rộng hơn.
- Bổ sung định hướng dài hạn: Tăng cường đào tạo đội ngũ kinh doanh – kỹ thuật, nâng cao năng lực tư vấn giải pháp tổng thể cho khách hàng, qua đó tạo lợi thế cạnh tranh bền vững và nâng cao giá trị thương hiệu Bến Thành trên thị trường.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ

- Tiếp tục triển khai chữ ký số để thực hiện chuyển đổi số một số giấy tờ, hồ sơ sản xuất;
- Bổ sung thêm 1 màn hình chuyển đổi số cho khu vực sản xuất courroie nhằm thuận tiện cho công nhân vận hành;
- Duy trì họp giao ban xưởng hàng tháng để triển khai một số công việc thực hiện trọng điểm nhằm kịp thời xử lý các vấn đề trong sản xuất;
- Tăng cường đánh giá hoàn thành công việc KPI hàng tháng nhằm duy trì nề nếp và ổn định chất lượng hơn nữa;
- Thiết lập định mức sản lượng cho các công đoạn sản xuất sản phẩm cao su kỹ thuật.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Tiếp tục thực hiện kiểm soát và ghi nhận các giao dịch tài chính, quản lý dòng tiền ra vào của Công ty đúng các Quy định nội bộ cũng như quy định của pháp luật liên quan, đảm bảo Công ty có đủ lượng tiền mặt cần thiết để đáp ứng các hoạt động kinh doanh hàng ngày.
- Lập và phân tích Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, bán niên và năm đúng quy định.
- Tiếp tục theo dõi chặt chẽ các khoản nợ, qua đó sẽ phân tích loại nợ, tuổi nợ và chủ động tham mưu Tổng Giám đốc về các hướng xử lý nhằm giảm tối đa tỷ lệ nợ quá hạn.
- Bám sát các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để thực hiện đầy đủ, đúng hạn các yêu cầu có liên quan.
- Tiếp tục cập nhật các quy định mới và thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo đúng quy định.



CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp chuyển đổi số, áp dụng công nghệ mới trong quá trình sản xuất và quản lý hoạt động kinh doanh. Cụ thể, trong năm 2025, Công ty sẽ tiếp tục:

- Áp dụng phần mềm quản lý sản xuất để cải thiện hiệu suất và tối ưu hóa quy trình.
- Đầu tư vào hệ thống giám sát thời gian và quy trình cán luyện kết hợp với mã vạch để theo dõi quy trình sản xuất.
- Số hóa các biểu mẫu, thông số sản xuất và tạo vùng chia sẻ dữ liệu dùng chung, giúp tăng cường kết nối và quản lý thông tin hiệu quả giữa các bộ phận.
- Những giải pháp trên sẽ giúp Công ty duy trì sự phát triển bền vững, tối ưu hóa hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	72
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành	74
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	75



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1

Hiệu quả về hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng với doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ vượt 436,89 tỷ đồng, vượt xa mục tiêu 349,59 tỷ đồng với tỷ lệ hoàn thành lên đến 124,97%. Mặc dù đối mặt với không ít thử thách, đặc biệt là sự tăng giá nguyên liệu đầu vào, HĐQT đánh giá cao nỗ lực bền bỉ của toàn thể Công ty trong việc duy trì sự tăng trưởng ổn định. Lợi nhuận sau thuế đạt 20,79 tỷ đồng, hoàn thành vượt 3%

2

Về chăm lo đời sống cho người lao động

Công ty luôn quan tâm và chú trọng đến việc đảm bảo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho người lao động. Hệ thống chính sách tiền lương, tiền thưởng được xây dựng theo hướng hợp lý, công bằng và gắn với kết quả thực hiện công việc, nhằm khuyến khích và ghi nhận sự đóng góp của người lao động. Đồng thời, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi như tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các chương trình nghỉ dưỡng cho cán bộ công nhân viên, qua đó tạo điều kiện để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Công ty.

4

Về an sinh xã hội

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì và triển khai các hoạt động an sinh xã hội với tinh thần trách nhiệm cao đối với cộng đồng. Công ty đã tích cực tham gia tài trợ cho các chương trình xã hội, đồng thời thực hiện các sáng kiến hướng đến bảo vệ môi trường như tiết giảm chất thải và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Thông qua các hoạt động này, Công ty góp phần cải thiện đời sống của người dân địa phương và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của xã hội.

so với chỉ tiêu đã đề ra. Thành công này không chỉ nhờ vào sự phục hồi tích cực của nền kinh tế mà còn do sự nhạy bén của Ban điều hành trong việc theo sát diễn biến thị trường và đưa ra các chiến lược phù hợp. Bên cạnh đó, kết quả này còn phản ánh sự tin tưởng của khách hàng, mối quan hệ bền chặt với các nhà cung cấp và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận trong Công ty.

3

Về chấp hành pháp luật

Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hoạt động. Việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về chất lượng sản phẩm, cũng như các quy định về bảo vệ môi trường và an toàn lao động được Công ty triển khai đồng bộ và nhất quán. Qua đó, Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh diễn ra an toàn, hiệu quả, đồng thời góp phần củng cố uy tín và hình ảnh doanh nghiệp trên thị trường. Công ty đã tính toán đúng và đầy đủ các khoản nộp ngân sách và đã thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp đúng hạn.

5

Về thực hiện nghĩa vụ ngân sách nhà nước

Công ty đã thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với ngân sách nhà nước theo đúng quy định pháp luật. Việc kê khai, nộp thuế và các khoản phải nộp khác được triển khai đúng thời hạn, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và thể hiện trách nhiệm của Công ty trong việc đóng góp vào ngân sách nhà nước.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, và các quy chế nội bộ, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý và nhanh chóng sửa chữa những thiếu sót trong quá trình điều hành sản xuất, kinh doanh, đồng thời bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan.

Trong năm vừa qua, Ban Điều hành đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Thông qua các cuộc họp định kỳ, Ban Tổng Giám đốc luôn cung cấp thông tin về tình hình tài chính, đầu tư và sản xuất kinh doanh cho HĐQT. Dựa trên đó, HĐQT đã có những chỉ đạo kịp thời, giám sát chặt chẽ quá trình điều hành của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết định và Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Ban Điều hành đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định pháp luật trong việc lập và công bố các báo cáo tài chính quý và năm. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, theo dõi sát thị trường và nâng cao năng lực điều hành, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ đề ra.

Trong năm 2025, Ban Điều hành đã chủ động triển khai các chiến lược linh hoạt, áp dụng các biện pháp tối ưu hóa chi phí, cải thiện hiệu quả sản xuất, và duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, giúp Công ty vượt qua thử thách và đạt được kết quả kinh doanh tích cực. Ban Điều hành đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, thực hiện hiệu quả các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ban Tổng Giám đốc cũng chỉ đạo, định hướng, giám sát Công ty trong việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp lý, chăm lo đời sống cho cán bộ nhân viên, và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cổ đông, tạo nền tảng niềm tin vững chắc để Công ty chuyển mình trong những năm tiếp theo.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trước đà phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025 cùng với định hướng ưu tiên phát triển kinh tế của Chính phủ cho năm 2026, các hoạt động sản xuất công nghiệp được kỳ vọng sẽ bước vào giai đoạn tăng trưởng tích cực trong thời gian tới. Tuy nhiên, bên cạnh những triển vọng thuận lợi từ thị trường, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro khó lường từ môi trường bên ngoài, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như kết quả kinh doanh.

Trong bối cảnh đó, năm 2026 được dự báo tiếp tục là một năm nhiều biến động và thách thức. Với quyết tâm hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, Hội đồng Quản trị đã xây dựng những định hướng, mục tiêu cùng các giải pháp cụ thể nhằm chủ động ứng phó với khó khăn, tận dụng cơ hội và đảm bảo thực hiện thành công kế hoạch đề ra.

Về hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo mọi hoạt động điều hành được thực hiện minh bạch và tuân thủ đúng quy trình.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo mọi hoạt động điều hành được thực hiện minh bạch và tuân thủ đúng quy trình
- Đặt lợi ích của cổ đông và các bên liên quan làm ưu tiên hàng đầu, đảm bảo các quyết định của Công ty luôn mang lại lợi ích tối đa cho tất cả các bên.
- Đảm bảo các cuộc họp của HĐQT được thực hiện đầy đủ theo định kỳ, qua đó kịp thời nắm bắt và giám sát tình hình kinh doanh của Công ty để chỉ đạo và đưa ra quyết định đúng đắn, cam kết hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.
- Tiếp tục hoàn thiện và triển khai công tác kiểm toán nội bộ đúng theo các quy định pháp luật hiện hành, giúp đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính và hoạt động Công ty.

Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc triển khai các giải pháp quản trị và kiểm soát hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng tháng và quý. Chủ động triển khai các giải pháp điều hành một cách kịp thời và linh hoạt, giúp Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- Theo dõi sát sao tình hình thị trường, từ đó đưa ra các giải pháp về tiêu thụ, tồn kho, giá bán, và các yếu tố khác để giảm thiểu gián đoạn nguồn cung và sản xuất, duy trì chất lượng sản phẩm và bảo vệ các nghĩa vụ với các bên liên quan. Đồng thời, chú trọng đến công tác quản trị tài chính và quản trị chi phí nhằm tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu lãng phí và nâng cao hiệu quả hoạt động trên toàn Công ty.
- Tiếp tục duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại để giữ vững thị trường hiện có, đồng thời tìm kiếm thêm cơ hội xuất khẩu và phát triển các thị trường tiềm năng trong nước. Cụ thể Công ty sẽ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, phát huy hệ thống quản lý chất lượng nhằm nâng cao chất lượng và sản lượng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo chuyên môn, nâng cao trình độ kỹ thuật, đồng thời tuyển dụng nhân lực có trình độ và kinh nghiệm để đáp ứng yêu cầu của Công ty trong việc phát triển các sản phẩm yêu cầu hàm lượng chất xám cao và tay nghề tốt. Các chính sách về lương, thưởng và phúc lợi sẽ được thiết kế phù hợp, nhằm thu hút và giữ chân các nhân tài trong ngành.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	78
Ban Kiểm soát	84
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	86



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	CN: 0 ĐD: 4.189.408	CN: 0 ĐD: 33,85
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	CN: 16.698 ĐD: 1.856.250	CN: 0,13 ĐD: 15,00
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.457.587	CN: 0 ĐD: 19,86
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	CN: 0 ĐD: 2.310.000	CN: 0 ĐD: 18,67

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không thành lập các tiểu ban

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%	
2	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	04/04	100%	
3	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT không điều hành	03/04	100%	Bận công tác
4	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	100%	
5	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%	

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	560/BC-HĐQT	21/01/2025	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024
2	561/BB-HĐQT	14/02/2025	Biên bản họp HĐQT Quý IV năm 2024
3	562/NQ-HĐQT	18/02/2025	Nghị quyết HĐQT Quý IV năm 2024
4	563/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Quyết định xếp hạng doanh nghiệp
5	564/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Ban hành Bảng lương Người quản lý
6	565/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2024
7	566/QĐ-HĐQT	18/02/2025	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao NQL năm 2024
8	567/BC-HĐQT	25/02/2025	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2024 (cập nhật)
9	568/NQ-HĐQT	03/03/2025	Nghị quyết tổ chức ĐHCĐ thường niên 2025
10	569/BC-HĐQT	19/3/2025	Công văn đề nghị xếp hạng doanh nghiệp năm 2025
11	570/BC-HĐQT	19/3/2025	Biên bản tổng hợp ý kiến về phê duyệt phương án tiền lương năm 2025



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
12	571/BC-HĐQT	19/3/2025	Biên bản tổng hợp ý kiến về quỹ tiền lương của Người quản lý năm 2025
13	572/QĐ-HĐQT	19/03/2025	Quyết định phê duyệt đơn giá tiền lương năm 2025
14	573/QĐ-HĐQT	19/03/2025	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương của Người quản lý năm 2025
15	574/BB-HĐQT	04/4/2025	Biên bản tổng hợp ý kiến về chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Bến Thành
16	575/NQ-HĐQT	04/04/2025	Nghị quyết về công tác cán bộ
17	576/TTr-HĐQT	04/4/2025	Tờ trình về việc chủ trương bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cao su Bến Thành
18	577/BB-HĐQ	04/4/2025	Biên bản tổng hợp ý kiến về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
19	578/NQ-HĐQT	04/04/2025	Nghị quyết gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2025
20	579/BB-HĐQT	29/4/2025	Biên bản họp HĐQT Quý I năm 2025
21	580/NQ-HĐQT	05/05/2025	Nghị quyết HĐQT Quý I năm 2025
22	581/BC-HĐQT	30/5/2025	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng năm 2025
23	582/BC-HĐQT	30/5/2025	Báo cáo của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị năm 2024
24	583/TTr-HĐQT	30/5/2025	Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
25	584/TTr-HĐQT	30/5/2025	Tờ trình v/v phân phối lợi nhuận năm 2024
26	585/TTr-HĐQT	30/5/2025	Tờ trình v/v thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025
27	586/TTr-HĐQT	30/5/2025	Tờ trình v/v báo cáo mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch thù lao năm 2025
28	587/NQ-ĐHĐCĐ	30/05/2025	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025
29	588/QĐ-HĐQT	10/06/2025	Quyết định chọn đơn vị kiểm toán năm 2025
30	589/QĐ-HĐQT	17/06/2024	Quyết định khen thưởng Người quản lý năm 2024
31	590/NQ-HĐQT	01/07/2025	Nghị quyết thống nhất thỏa thuận bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc
32	593/NQ-HĐQT	03/07/2025	Nghị quyết vay vốn và bảo đảm tại BIDV – CN Nam Sài Gòn
33	595/QĐ-HĐQT	18/07/2025	Quyết định chi trả cổ tức năm 2024
34	598/NQ-HĐQT	29/07/2025	Nghị quyết HĐQT Quý II năm 2025
35	600/NQ-HĐQT	12/08/2025	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu máy định hình băng tải tự động
36	601/NQ-HĐQT	08/09/2025	Nghị quyết về công tác cán bộ
37	602/QĐ-HĐQT	09/09/2025	Quyết định bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
38	603/NQ-HĐQT	19/09/2025	Nghị quyết xếp loại Người quản lý doanh nghiệp năm 2024
39	606/NQ-HĐQT	20/10/2025	Nghị quyết HĐQT Quý III năm 2025
40	608/NQ-HĐQT	14/11/2025	Nghị quyết chấp thuận giao dịch với Người có liên quan năm 2026
41	611/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quyết định hủy kế hoạch lựa chọn nhà thầu máy định hình băng tải tự động



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT độc lập đã tích cực tham gia các phiên họp HĐQT, đóng góp ý kiến quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của Công ty. Thành viên HĐQT độc lập chủ động trao đổi về các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh và định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động, đồng thời đưa ra các đề xuất, giải pháp chuyên môn, giúp đảm bảo các quyết định phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

- 1

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định khác có liên quan.
- 2

Công tác quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được HĐQT thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thường niên năm 2025 thông qua.
- 3

HĐQT tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh và kiện toàn nhân sự, đảm bảo đúng thẩm quyền và hợp lệ theo quy định.
- 4

Các thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm cao trong quản trị, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông; đồng thời đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và tạo điều kiện để Thành viên độc lập HĐQT thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

Các thành viên HĐQT thường xuyên tham gia các chương trình quản trị Công ty để nâng cao năng lực quản lý, cập nhật kiến thức và nắm bắt xu hướng quản trị tiên tiến, qua đó đóng góp tích cực vào hoạt động của Công ty. Công ty nhận thức rõ vai trò quan trọng của đội ngũ lãnh đạo và luôn chú trọng công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị, góp phần vào sự phát triển bền vững và hiệu quả của tổ chức.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	CN: 300 ĐD: 0	CN: 0,0024 ĐD: 0
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	CN: 0 ĐD: 0	CN: 0 ĐD: 0

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong năm 2025, BKS đã chủ động tăng cường công tác kiểm tra và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận liên quan để rà soát, đánh giá quá trình quản trị và điều hành Công ty. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế Công ty, BKS đã triển khai và thực hiện các công việc sau:

Thực hiện giám sát việc tuân thủ và triển khai các quy định, nghị quyết của Công ty, bao gồm Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước, cùng các Quy chế, Nghị quyết và Quyết định của Công ty; đồng thời giám sát hoạt động quản lý, điều hành SXKD của Ban Tổng Giám đốc và tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.	Tham gia các hoạt động quản trị và phối hợp trong Công ty, bao gồm tham dự các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban khi được mời, đóng góp ý kiến và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; đồng thời duy trì sự phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và tham gia các chương trình tập huấn nâng cao nghiệp vụ khi cần thiết.
---	---

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

BKS luôn được HĐQT, BTGD tạo điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình. Cụ thể, BKS được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban hàng tháng của BTGD và các bộ phận liên quan, đã tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ liên quan đến hoạt động sản xuất, hoạt động tài chính, chính sách bán hàng và thu hồi công nợ, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ của Công ty, các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	04/04	100%	
2	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	04/04	100%	
3	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	04/04	100%	

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

BKS đã tổ chức 04 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	27/02/2025	- Kiểm soát tình hình hoạt động quý 4/2024 và cả năm 2024. - Xây dựng kế hoạch và phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2025.	Các thành viên đã nhất trí 100%: - Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT quý 4/2024 và cả năm 2024.
2	23/4/2025	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập. - Thảo luận các nội dung trong Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông. - Thảo luận các nội dung trong báo cáo HĐQT quý 1/2025.	Các thành viên đã nhất trí 100%: - Biên bản làm việc và báo cáo trình HĐQT quý 1/2025. - Thống nhất hoàn thiện Báo cáo năm 2024 của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2025.
3	23/7/2025	- Kiểm soát tình hình hoạt động quý 2/2025 và 6 tháng đầu năm năm 2025. - Thẩm định báo cáo tài chính bán niên 2025.	- Thống nhất hoàn thiện Báo cáo quý 2/2025 và báo cáo 6 tháng đầu năm 2025 của BKS.
4	13/10/2025	- Kiểm soát tình hình hoạt động quý 3/2025	Các thành viên đã nhất trí 100%: - Thống nhất hoàn thiện Biên bản làm việc và Báo cáo trình HĐQT quý 3/2025.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Thành viên	Chức vụ	Thù lao và thu nhập	Ghi chú
STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập và thù lao	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch HĐQT	735.000.000	
2	Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	
3	Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000	
4	Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT	48.000.000	
5	Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	720.000.000	
6	Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000	
7	Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	456.000.000	
8	Nguyễn Quốc Vương	Trưởng BKS	294.000.000	
9	Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000	
10	Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000	
11	Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	448.000.000	
12	Huỳnh Thị Thao	Thư ký HĐQT	30.000.000	
Tổng			3.439.000.000	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có.



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHQĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Cổ đông lớn	236 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.HCM	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Mua hàng hoá 35.315.927.851 đồng
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Tổ chức có liên quan	Khu công nghiệp Quán Ngang, Xã Gio Linh, Tỉnh Quảng Trị	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 151.150.860 đồng
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Tổ chức có liên quan	Lô M, đường số 1, khu công nghiệp Thạnh Lộc, Xã Thạnh Lộc, Tỉnh An Giang	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 124.740.000 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Tổ chức có liên quan	01 Nguyễn Thị Minh Khai, Xã Chư Păh, Tỉnh Gia Lai	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 208.053.360 đồng
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Tổ chức có liên quan	Thôn 2, Xã Ia Toi, Tỉnh Quảng Ngãi	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 109.244.160 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Tổ chức có liên quan	639 Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 150.130.800 đồng
Công ty CP Cao su Tân Biên	Tổ chức có liên quan	Tổ 2, ấp Thạnh Phú, Xã Tân Hội, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 47.424.960 đồng



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQTThông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty CP Cao su Tây Ninh	Tổ chức có liên quan	Quốc lộ 22B, ấp Đá Hàng, Xã Phước Thạnh, Tỉnh Tây Ninh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 150.130.800 đồng
Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh	Tổ chức có liên quan	Khu phố Ninh Thuận, Xã Lộc Ninh, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 92.298.800 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà	Tổ chức có liên quan	Thửa đất số 374, Tờ bản đồ 17, Ấp 2A, Xã Phước Hoà, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 209.742.480 đồng
Công ty TNHH Cơ khí Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Tổ chức có liên quan	Số 277, đường 13 tháng 3, Ấp Cây Vừng, Xã Dầu Tiếng, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 91.400.400 đồng
Công ty TNHH Cao su Bình Long	Tổ chức có liên quan	Quốc lộ 13, Phường Hưng Chiến, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 336.821.760 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Bà Rịa	Tổ chức có liên quan	ấp Đức Trung, Xã Ngãi Giao, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 54.840.240 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Chư Sê	Tổ chức có liên quan	420 Hùng Vương, Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 53.958.960 đồng
Công ty Cổ phần Cao su Hoà Bình	Tổ chức có liên quan	Ấp 7, Xã Hòa Hội, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 18.280.080 đồng

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Tên	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Tổ chức có liên quan	Đường ĐT.741, thôn Phú Thịnh, Xã Phú Riềng, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 274.201.200 đồng
Công ty CP Cao su Đồng Phú	Tổ chức có liên quan	Ấp Thuận Phú 1, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 72.239.040 đồng
CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên	Cổ đông lớn	604 Võ Văn Kiệt, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025	559/NQ-HĐQT ngày 19/12/2024	Bán hàng hoá và dịch vụ 7.628.626.480 đồng
Cộng					45.089.212.231 đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn cam kết hoàn thiện và duy trì hệ thống quản trị công ty theo hướng hiệu quả, minh bạch, phù hợp với các thông lệ quản trị tiên tiến và tiệm cận các chuẩn mực quốc tế. Hệ thống quản trị này đóng vai trò nền tảng trong việc hỗ trợ Công ty phát triển ổn định và bền vững, đồng thời góp phần kiểm soát rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh, củng cố uy tín và mở rộng khả năng tiếp cận các nguồn vốn, qua đó đảm bảo lợi ích hài hòa cho các bên liên quan.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị nhân sự:

Công ty xác định mục tiêu xây dựng bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, linh hoạt và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các bộ phận, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá hiệu quả công tác quản trị nhân sự và thực hiện cơ cấu lại nguồn nhân lực tại các phòng ban, đơn vị chức năng nhằm tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý nhân sự, từ công tác tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá hiệu quả công việc, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và phát huy tối đa năng lực của đội ngũ người lao động.

Quản trị chất lượng sản phẩm:

Công ty xác định việc liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm là mục tiêu trọng tâm, nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, qua đó củng cố năng lực cạnh tranh và uy tín thương hiệu trên thị trường:

- Duy trì và phát huy hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; đồng thời áp dụng các phương pháp sản xuất tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định, đồng đều.
- Thường xuyên cập nhật, rà soát và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng tại các đơn vị sản xuất; điều chỉnh quy trình vận hành để kịp thời đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn hiện hành cũng như xu hướng phát triển của thị trường.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được kiểm toán

92



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 15 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Đoan	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên
Ông Văn Trọng Long	Thành viên
Ông Nguyễn Nho Lương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Vương	Trưởng ban
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trần Nghiêm Vũ

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được lập ngày 02 tháng 03 năm 2026, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Nhan Trúc Ngân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 6343-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		221.282.609.559	224.600.631.095
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	27.147.190.885	29.528.607.541
111	1. Tiền		22.075.798.107	19.528.607.541
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.071.392.778	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	328.425.400
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	04	-	328.425.400
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		100.519.846.804	101.180.108.464
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	89.721.694.002	102.839.895.413
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	2.740.386.328	3.663.527.919
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	10.642.883.747	395.793.111
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.585.117.273)	(5.719.107.979)
140	IV. Hàng tồn kho	09	88.598.819.446	89.938.552.485
141	1. Hàng tồn kho		88.598.819.446	89.938.552.485
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.016.752.424	3.624.937.205
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	158.618.556	225.971.776
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.746.196.068	3.398.965.429
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	111.937.800	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		69.358.631.183	84.485.765.858
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.000.000	50.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	50.000.000	50.000.000
220	II. Tài sản cố định		43.845.517.717	56.082.667.487
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	43.845.517.717	56.082.667.487
222	- Nguyên giá		268.852.306.287	267.447.206.287
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.006.788.570)	(211.364.538.800)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		129.500.000	129.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		129.500.000	129.500.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	-	-
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.000.000.000	6.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		25.333.613.466	28.223.598.371
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	25.333.613.466	28.223.598.371
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		290.641.240.742	309.086.396.953



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		79.050.728.020	96.508.881.762
310	I. Nợ ngắn hạn		79.050.728.020	96.508.881.762
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	31.921.402.053	36.548.190.628
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	5.536.689.454	4.578.296.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.416.006.977	934.719.535
314	4. Phải trả người lao động		11.839.101.606	10.574.360.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	540.913.175	381.393.795
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.175.123.567	1.380.757.293
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	24.141.566.184	40.499.021.159
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.479.925.004	1.612.141.684
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		211.590.512.722	212.577.515.191
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	211.590.512.722	212.577.515.191
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		123.749.970.000	123.749.970.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		123.749.970.000	123.749.970.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		26.340.019.200	26.340.019.200
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		40.276.012.238	40.276.012.238
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.224.511.284	22.211.513.753
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		430.517.353	460.270.258
421b	LNST chưa phân phối năm nay		20.793.993.931	21.751.243.495
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		290.641.240.742	309.086.396.953



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập



Dương Hoài Trinh
Kế toán trưởng





Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	437.386.702.724	419.309.644.591
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	500.014.230	255.352.441
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		436.886.688.494	419.054.292.150
11	4. Giá vốn hàng bán	22	368.278.964.088	336.437.697.102
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.607.724.406	82.616.595.048
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	2.588.239.659	2.800.187.219
22	7. Chi phí tài chính	24	1.796.227.716	2.397.536.725
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.635.084.547	1.873.254.341
25	8. Chi phí bán hàng	25	33.887.779.476	41.847.748.075
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.207.628.461	14.154.747.397
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		25.304.328.412	27.016.750.070
31	11. Thu nhập khác	27	928.505.633	156.476.062
32	12. Chi phí khác	28	186.357.119	35.552.364
40	13. Lợi nhuận khác		742.148.514	120.923.698
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.046.476.926	27.137.673.768
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.252.482.995	5.386.430.273
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.793.993.931	21.751.243.495
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	1.680	1.758



Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập



Dương Hoài Trinh
Kế toán trưởng





Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.046.476.926	27.137.673.768
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.551.703.442	14.971.109.793
03	- Các khoản dự phòng		(3.133.990.706)	1.897.952.023
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(44.240.822)	(358.378.477)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(157.358.576)	(87.843.774)
06	- Chi phí lãi vay		1.635.084.547	1.873.254.341
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.897.674.811	45.433.767.674
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.131.057.464	(12.237.687.569)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.339.733.039	(11.990.335.271)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.220.795.734)	19.063.728.871
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.047.884.453	(984.327.176)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.693.340.483)	(1.866.354.424)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.940.718.092)	(5.691.318.265)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.063.216.680)	(8.866.858.007)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		29.498.278.778	22.860.615.833
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.187.622.400)	(5.931.042.650)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(47.567.400)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		328.425.400	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		166.864.291	58.989.530
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(692.332.709)	(5.919.620.520)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		85.115.867.835	97.845.677.132
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(101.473.322.810)	(97.441.308.491)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(14.851.055.100)	(13.577.766.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(31.208.510.075)	(13.173.397.659)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.402.564.006)	3.767.597.654

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29.528.607.541	25.757.327.962
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		21.147.350	3.681.925
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	27.147.190.885	29.528.607.541


 Huỳnh Ngọc Sơn
 Người lập


 Dương Hoài Trinh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4103006483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 04 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ chín theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0301150295 ngày 15 tháng 09 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô B3-1, KCN Tây Bắc Củ Chi, Xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 123.749.970.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 123.749.970.000 VND; tương đương 12.374.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 235 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 231 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất băng tải cao su, dây courroie.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bán, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán sản phẩm cao su: băng tải, dây courroie, dây trần bán, vỏ ruột xe đạp - xe gắn máy, cao su nguyên liệu, sản phẩm cao su kỹ thuật;
- Mua bán nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ ngành công nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 18,08 tỷ VND, tương ứng với mức tăng 4,31% so với năm trước chủ yếu do doanh thu mảng băng tải và cao su kỹ thuật tăng mạnh. Bên cạnh đó, giá vốn hàng bán trong năm nay tăng 31,84 tỷ VND (tương ứng tăng 9,46% so với năm trước), dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm nay giảm 14,01 tỷ VND, tương ứng mức giảm 16,96%.

Chi phí bán hàng giảm 7,96 tỷ VND, tương ứng với mức giảm 19,02% so với năm trước chủ yếu do giảm chi phí bao bì, đóng gói và chi phí quảng cáo. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 3,95 tỷ VND, tương ứng với mức giảm 27,89% so với năm trước do hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các biến động nêu trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm nay đạt 20,79 tỷ VND, giảm 957,25 triệu VND, tương ứng mức giảm 4,40%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.



2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	05 - 08 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại.

Các khoản hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	97.899.251	49.096.092
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.977.898.856	19.479.511.449
Các khoản tương đương tiền ^(*)	5.071.392.778	10.000.000.000
	27.147.190.885	29.528.607.541

^(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 5.071.392.778 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Sài Gòn với lãi suất 4,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	328.425.400	-
	-	-	328.425.400	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)
	6.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	(6.000.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Chi sợi Cao su V.R.G SaDo	Đồng Nai	1,88%	1,88%	Sản xuất chỉ sợi cao su



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.501.460.280	-	3.108.519.776	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	1.501.460.280	-	3.108.519.776	-
Bên khác	88.220.233.722	(2.586.527.273)	99.731.375.637	(5.719.107.979)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Supply	2.842.633.391	-	11.633.124.631	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	8.433.109.809	-	8.451.541.940	(3.605.821.250)
Các đối tượng khác	76.944.490.522	(2.586.527.273)	79.646.709.066	(2.113.286.729)
	89.721.694.002	(2.586.527.273)	102.839.895.413	(5.719.107.979)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Suzhou Shanghan Textile Co., Ltd	533.977.832	-	1.164.222.831	-
Sunshine Pacific Limited	166.932.840	-	-	-
HL Group Ltd	470.166.142	-	410.151.526	-
J.F.D Enterprise Ltd	468.855.450	-	-	-
Công ty TNHH Cơ khí Thanh Tâm	333.629.400	-	551.107.000	-
Monocle Trading Ltd	-	-	936.479.240	-
Các đối tượng khác	766.824.664	-	601.567.322	-
	2.740.386.328	-	3.663.527.919	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	20.459.249	-	29.964.964	-
Tạm ứng	130.123.406	-	334.768.096	-
Ký cược, ký quỹ	10.470.500.000	-	26.500.000	-
Phải thu khác	21.801.092	-	4.560.051	-
	10.642.883.747	-	395.793.111	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
	50.000.000	-	50.000.000	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	-	-	8.451.541.940	4.845.720.690
Công ty Cổ phần Thép Pomina	1.670.000.000	-	1.723.820.000	517.146.000
Các khoản khác	1.076.384.775	161.267.502	1.886.212.015	979.599.286
	2.746.384.775	161.267.502	12.061.573.955	6.342.465.976

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.886.883.434	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.421.643.778	-	47.431.027.587	-
Công cụ, dụng cụ	1.335.053.607	-	556.393.402	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.144.379.254	-	7.210.636.901	-
Thành phẩm	13.056.461.278	-	25.210.876.244	-
Hàng hoá	996.999.171	-	2.574.744.515	-
Hàng gửi đi bán	7.757.398.924	-	6.954.873.836	-
	88.598.819.446	-	89.938.552.485	-



10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	37.854.436.217	213.740.165.658	15.503.670.847	348.933.565	267.447.206.287
- Mua trong năm	-	1.405.100.000	-	-	1.405.100.000
Số dư cuối năm	37.854.436.217	215.145.265.658	15.503.670.847	348.933.565	268.852.306.287
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.296.169.013	173.682.298.856	12.097.938.460	288.132.471	211.364.538.800
- Khấu hao trong năm	1.371.303.588	11.568.620.946	677.800.344	24.524.892	13.642.249.770
Số dư cuối năm	26.667.472.601	185.250.919.802	12.775.738.804	312.657.363	225.006.788.570
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	12.558.267.204	40.057.866.802	3.405.732.387	60.801.094	56.082.667.487
Tại ngày cuối năm	11.186.963.616	29.894.345.856	2.727.932.043	36.276.202	43.845.517.717

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.107.714.354 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 105.011.474.297 VND.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	25.521.782	23.862.187
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	133.096.774	202.109.589
	158.618.556	225.971.776
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.799.480.605	3.889.143.880
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tây Bắc Cù Chi (*)	20.917.434.462	21.826.888.134
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.616.698.399	2.507.566.357
	25.333.613.466	28.223.598.371

(*) Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Cù Chi, xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng văn phòng, nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048 với diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m². Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê với tổng số tiền là 27.018.352.845 VND.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Hóa chất Kiều Thoại	4.621.940.000	4.621.940.000	8.001.545.500	8.001.545.500
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại TTH	2.788.700.000	2.788.700.000	3.598.604.755	3.598.604.755
Công ty Cổ phần Vận tải Bưu Chính Sài Gòn	2.364.653.304	2.364.653.304	-	-
Công ty TNHH Vận tải TM DV Phụng Hoàng	2.592.103.606	2.592.103.606	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Fine Chemicals	1.701.000.000	1.701.000.000	1.814.945.000	1.814.945.000
Các đối tượng khác	17.853.005.143	17.853.005.143	23.133.095.373	23.133.095.373
	31.921.402.053	31.921.402.053	36.548.190.628	36.548.190.628

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Jiangxi Rasson Billiard Manufacturing Co., Ltd	-	3.920.581.441
Mulhern Belting, Inc-New Jersey	1.744.246.736	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Cẩm Phả	2.447.042.400	-
Các đối tượng khác	1.345.400.318	657.715.400
	5.536.689.454	4.578.296.841



14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	8.978.933.308	8.978.933.308	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	477.559.304	477.559.304	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	899.885.409	5.252.482.995	4.940.718.092	-	1.211.650.312
Thuế Thu nhập cá nhân	-	34.834.126	2.070.287.605	1.901.431.734	-	203.689.997
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	282.785.930	394.723.730	111.937.800	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.666.668	4.000.000	-	666.668
	-	934.719.535	17.066.715.810	16.697.366.168	111.937.800	1.416.006.977

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	75.577.393	133.833.329
Chi phí phải trả khác	465.335.782	247.560.466
	540.913.175	381.393.795

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	99.914.493
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	937.675.600	938.734.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	237.447.967	342.108.500
	1.175.123.567	1.380.757.293

17 . CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn ⁽¹⁾	40.499.021.159	40.499.021.159	79.865.034.651	101.473.322.810	18.890.733.000	18.890.733.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)- Chi nhánh Châu Văn Liêm ⁽²⁾	-	-	5.250.833.184	-	5.250.833.184	5.250.833.184
	40.499.021.159	40.499.021.159	85.115.867.835	101.473.322.810	24.141.566.184	24.141.566.184

Thông tin chi tiết về khoản vay ngắn hạn:

⁽¹⁾ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Sài Gòn:

Hợp đồng tín dụng số 01/2025/62647/HĐYTĐ ngày 22/07/2025 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: Tối đa 70.000.000.000 VND và ngoại tệ quy đổi trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/62647 ngày 17/07/2024 sang;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại 31/12/2025: 18.890.733.000 VND;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thẻ chấp có đăng ký giao dịch bảo đảm là Máy móc thiết bị theo Danh mục tài sản thế chấp đi kèm Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2012/HĐTC-62647 ngày 21/06/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐTC-62647 ngày 30/09/2017.



17 CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Thông tin chi tiết về khoản vay ngắn hạn (Tiếp theo):

⁽²⁾ Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)- Chi nhánh Châu Văn Liêm:

(2.1) Hợp đồng cấp tín dụng số CVL.DN.6197.041225 ngày 09/12/2025 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.016.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại 31/12/2025: 3.752.059.296 VND;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ số dư bao gồm vốn gốc và khoản lãi phát sinh của tài khoản ký quỹ USD số 47915997 do ACB mở tài khoản.

(2.2) Hợp đồng cấp tín dụng số CVL.DN.2278.191225 ngày 22/12/2025 với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 17.556.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại 31/12/2025: 1.498.773.888 VND;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Toàn bộ số dư bao gồm vốn gốc và khoản lãi phát sinh của tài khoản ký quỹ USD số 47915997 do ACB mở tài khoản.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	19.443.605.053	209.809.606.491
Lãi trong năm trước	-	-	-	21.751.243.495	21.751.243.495
Chi trả cổ tức năm 2023	-	-	-	(13.612.496.700)	(13.612.496.700)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.250.838.095)	(5.250.838.095)
Trích Quỹ khen thưởng HĐQT, BDH	-	-	-	(120.000.000)	(120.000.000)
Số dư cuối năm trước	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	22.211.513.753	212.577.515.191
Số dư đầu năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	22.211.513.753	212.577.515.191
Lãi trong năm nay	-	-	-	20.793.993.931	20.793.993.931
Chia cổ tức năm 2024 (*)	-	-	-	(14.849.996.400)	(14.849.996.400)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Quỹ khen thưởng HĐQT, BDH (*)	-	-	-	(131.000.000)	(131.000.000)
Số dư cuối năm nay	123.749.970.000	26.340.019.200	40.276.012.238	21.224.511.284	211.590.512.722

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 587/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Lợi nhuận để lại của các năm trước	Số tiền
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2024	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	460.270.258
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.751.243.495
Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban Điều hành	22.211.513.753
Chi trả cổ tức (12% vốn điều lệ)	6.800.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	131.000.000
	14.849.996.400
	430.517.353

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	48,85	60.456.580.000	48,85	60.456.580.000
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	19,86	24.575.780.000	19,86	24.575.780.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	18,67	23.100.000.000	18,67	23.100.000.000
Các cổ đông khác	12,62	15.617.610.000	12,62	15.617.610.000
	100	123.749.970.000	100	123.749.970.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	123.749.970.000	123.749.970.000
- Vốn góp cuối năm	123.749.970.000	123.749.970.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	938.734.300	904.003.900
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	14.849.996.400	13.612.496.700
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	14.849.996.400	13.612.496.700
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(14.851.055.100)	(13.577.766.300)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(14.851.055.100)	(13.577.766.300)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	937.675.600	938.734.300

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.374.997	12.374.997
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	40.276.012.238	40.276.012.238
	40.276.012.238	40.276.012.238

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất sau:

- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm văn phòng từ năm 1996 đến năm 2046. Diện tích khu đất thuê là 354 m². Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của Nhà nước.
- Công ty ký hợp đồng thuê đất tại Khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Nhuận Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích xây dựng nhà xưởng từ năm 2019 đến năm 2048. Diện tích khu đất thuê là 18.185,8 m² và Công ty đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê (Xem thêm tại Thuyết minh số 11).

b) Ngoại tệ các loại	31/12/2025	01/01/2025
	681.543,86	389.774,56
	-	6.360.850,00
20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	415.391.223.692	374.507.375.916
Doanh thu bán hàng hóa	11.644.953.005	38.615.370.251
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.350.526.027	6.186.898.424
	437.386.702.724	419.309.644.591
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	9.133.466.500	17.756.363.500
21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	135.250.230	77.185.821
Hàng bán bị trả lại	364.764.000	178.166.620
	500.014.230	255.352.441
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	354.499.974.070	303.103.636.035
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.237.880.145	32.888.761.026
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.541.109.873	445.300.041
	368.278.964.088	336.437.697.102
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 36)	33.634.217.000	28.112.392.000
23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	157.358.576	87.843.774
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.386.640.261	2.353.964.968
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	44.240.822	358.378.477
	2.588.239.659	2.800.187.219

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.635.084.547	1.873.254.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	161.143.169	524.282.384
	1.796.227.716	2.397.536.725
25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.525.375.734	5.999.517.330
Chi phí nhân công	8.950.991.281	9.477.496.516
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.163.632	51.163.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.140.108.118	24.617.407.329
Chi phí khác bằng tiền	838.628.422	1.131.660.557
Chi phí bảo hành	381.512.289	570.502.711
	33.887.779.476	41.847.748.075
26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	359.009.030	504.494.656
Chi phí nhân công	8.396.420.004	7.688.335.344
Chi phí khấu hao tài sản cố định	295.682.316	295.682.316
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	(3.133.990.706)	1.897.952.023
Thuế, phí, và lệ phí	177.071.497	517.171.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.440.445.417	2.382.471.788
Chi phí khác bằng tiền	1.672.990.903	868.639.853
	10.207.628.461	14.154.747.397
27 . THU NHẬP KHÁC	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Xử lý công nợ phải trả	892.726.381	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ, phế liệu	-	35.572.389
Thu nhập khác	35.779.252	120.903.673
	928.505.633	156.476.062
28 . CHI PHÍ KHÁC	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	173.522.039	-
Chi phí khác	12.835.080	35.552.364
	186.357.119	35.552.364



29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.046.476.926	27.137.673.768
Các khoản điều chỉnh tăng	260.042.252	544.964.873
- Chi phí không hợp lệ	116.042.252	68.172.258
- Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm	-	282.792.615
- Thủ lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	144.000.000	194.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(44.104.202)	(750.487.278)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu, tiền gửi có gốc ngoại tệ cuối năm	(44.104.202)	(358.487.278)
- Các khoản khác	-	(392.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	26.262.414.976	26.932.151.363
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	5.252.482.995	5.386.430.273
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	899.885.409	1.204.773.401
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.940.718.092)	(5.691.318.265)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.211.650.312	899.885.409

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	20.793.993.931	21.751.243.495
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	20.793.993.931	21.751.243.495
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.374.997	12.374.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.680	1.758

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	271.507.244.935	244.455.798.817
Chi phí nhân công	60.411.219.281	58.120.280.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.551.703.442	14.971.109.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.264.560.670	43.108.725.332
Chi phí khác bằng tiền	144.883.775	5.636.759.301
	389.879.612.103	366.292.674.078

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.049.291.634	-	-	27.049.291.634
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.779.460.476	50.000.000	-	97.829.460.476
	124.828.752.110	50.000.000	-	124.878.752.110

Tại ngày 01/01/2025

Tiền và các khoản tương đương tiền	29.479.511.449	-	-	29.479.511.449
Phải thu khách hàng, phải thu khác	97.516.580.545	50.000.000	-	97.566.580.545
Các khoản cho vay	328.425.400	-	-	328.425.400
	127.324.517.394	50.000.000	-	127.374.517.394

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.



Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay	24.141.566.184	-	-	24.141.566.184
Phải trả người bán, phải trả khác	33.096.525.620	-	-	33.096.525.620
Chi phí phải trả	540.913.175	-	-	540.913.175
	57.779.004.979	-	-	57.779.004.979
Tại ngày 01/01/2025				
Vay	40.499.021.159	-	-	40.499.021.159
Phải trả người bán, phải trả khác	37.928.947.921	-	-	37.928.947.921
Chi phí phải trả	381.393.795	-	-	381.393.795
	78.809.362.875	-	-	78.809.362.875

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	85.115.867.835	97.845.677.132
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	101.473.322.810	97.441.308.491

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh băng tải cao su, dây courroie, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	323.693.755.066	113.192.933.428	436.886.688.494
Tổng chi phí mua TSCĐ			1.405.100.000
Tài sản bộ phận	89.721.694.002	12.869.976.070	102.591.670.072
Tài sản không phân bổ			188.049.570.670

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	Cổ đông lớn
Công ty CP Cao su Bà Rịa	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Đồng Phú	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Hòa Bình	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Phước Hòa	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Tân Biên	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Tây Ninh	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	Cùng Tập đoàn
Công ty CP Cao su Sa Thầy	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí - Vận tải Cao su Dầu Tiếng	Cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	Cùng Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.133.466.500	17.756.363.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	7.545.006.000	14.863.944.500
Công ty TNHH MTV Cao Su Bình Long	-	265.056.000
Công ty TNHH MTV Cao Su Lộc Ninh	-	81.180.000
Công ty CP Cao su Hòa Bình	16.926.000	16.434.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	49.962.000	59.862.000
Công ty CP Cao su Sa Thầy	101.152.000	119.724.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Păh	192.642.000	826.419.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Quảng Trị	139.954.500	225.090.000
Công ty CP Cao su Bà Rịa	50.778.000	48.708.000
Công ty CP Cao su Đồng Phú	66.888.000	-
Công ty CP Cao su Phước Hòa	194.206.000	188.562.000
Công ty CP Cao su Tân Biên	43.912.000	53.790.000
Công ty CP Cao su Tây Ninh	139.010.000	134.970.000
Công ty CP Gỗ MDF VRG Kiên Giang	115.500.000	99.500.000
Công ty TNHH MTV Cao su EA HLEO	-	146.124.000
Công ty TNHH MTV Cao su Kon Tum	139.010.000	243.540.000
Công ty Cổ phần Cơ khí - Vận tải Cao su Dầu Tiếng	84.630.000	136.950.000
Công ty TNHH MTV Cao su Phú Riềng	253.890.000	246.510.000



Giao dịch với các bên liên quan: (Tiếp theo)

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Mua hàng hóa, vật tư	33.634.217.000	28.112.392.000
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	33.634.217.000	28.112.392.000
Chia cổ tức	12.975.883.200	11.894.559.600
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.254.789.600	6.650.223.800
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	2.949.093.600	2.703.335.800
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên	2.772.000.000	2.541.000.000
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	3.439.000.000	2.596.000.000
Ông Nguyễn Minh Đoan	Chức vụ	
	Chủ tịch HĐQT	735.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 28/10/2024)	120.000.000
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000
Ông Văn Trọng Long	Thành viên HĐQT	48.000.000
Ông Nguyễn Nho Lương	Thành viên HĐQT	48.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 20/06/2024)	25.333.000
Ông Nguyễn Trần Nghiêm Vũ	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	720.000.000
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	552.000.000
Ông Huỳnh Văn Thê	Phó Tổng Giám đốc	456.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 01/10/2024)	114.000.000
Ông Nguyễn Quốc Vương	Trưởng ban kiểm soát	294.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 28/10/2024)	49.000.000
Bà Lương Thị Ánh Nguyệt	Thành viên BKS	30.000.000
Ông Trần Nguyễn Huy Hùng	Thành viên BKS	30.000.000
Bà Dương Hoài Trinh	Kế toán trưởng	448.000.000
	(Bổ nhiệm ngày 28/10/2024)	74.000.000
Ông Diệp Xuân Trường	Chủ tịch HĐQT	-
	(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)	50.000.000
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Thành viên HĐQT	-
	(Miễn nhiệm ngày 20/06/2024)	22.667.000
Bà Dương Hoài Trinh	Trưởng ban kiểm soát	-
	(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)	349.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Sơn	Kế toán trưởng	-
	(Miễn nhiệm ngày 28/10/2024)	349.000.000
Bà Nguyễn Thị Thao	Thư ký HĐQT	30.000.000
		30.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Huỳnh Ngọc Sơn
Người lập


Dương Hoài Trinh
Kế toán trưởng


Nguyễn Trần Nghiêm Vũ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2026







BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



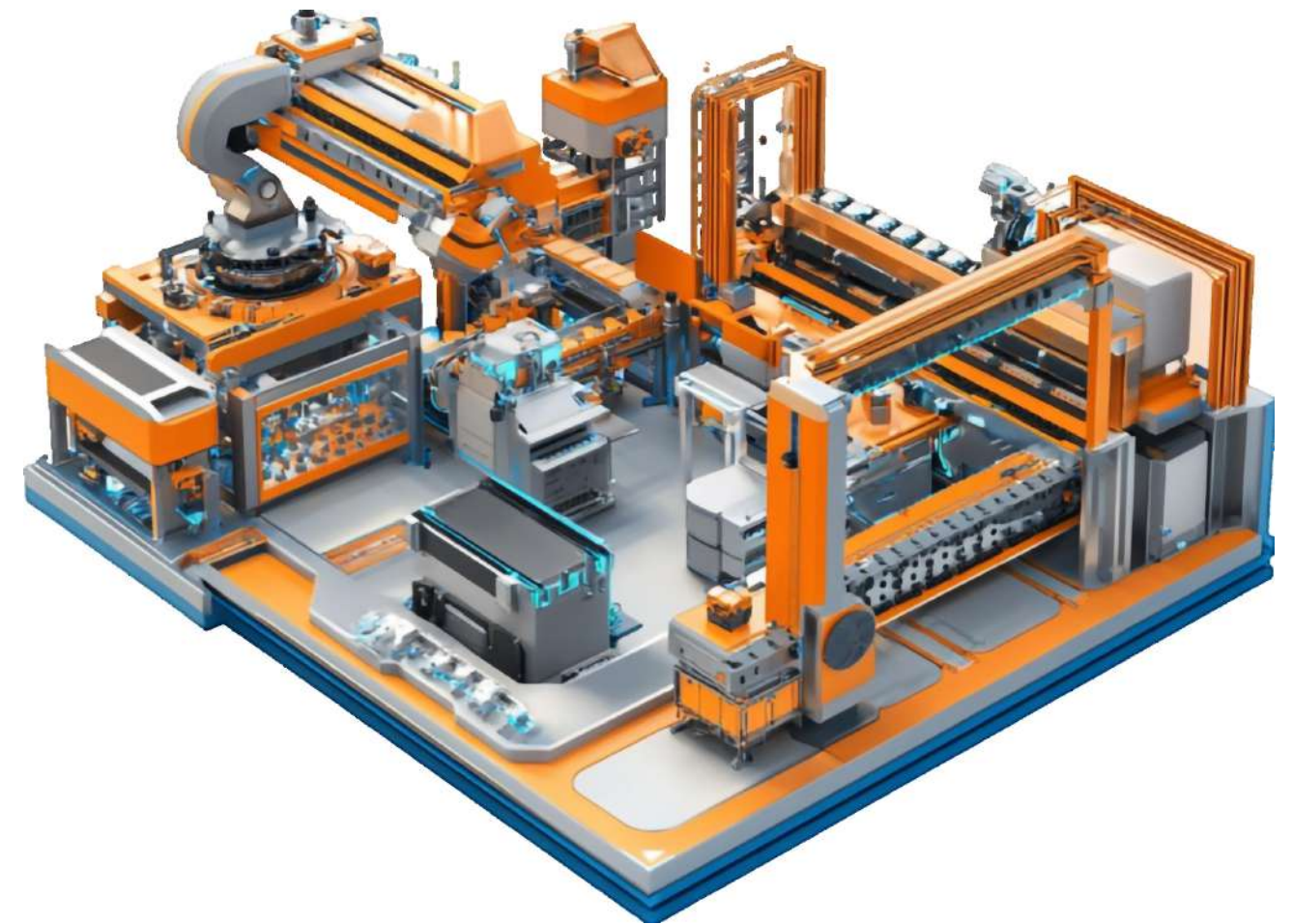
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2026
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN TRẦN NGHIỆM VŨ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU BẾN THÀNH



Lô B3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, Đường Giáp Hải (D3) Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh.



www.berubco.com.vn



(028) 3790 7619



(028) 3790 7461

